VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY-HANOI

**UNIVERSITY OF LANGUAGES AND INTERNATIONAL STUDIES**

**FACULTY OF POST-GRADUATE STUDIES**

**NGUYỄN MẠNH TUẤN**

**CONCEPTUAL METAPHOR “POLITICS IS WAR” IN THE AMERICAN POLITICAL NEWS DISCOURSE**

**(Ẩn dụ ý niệm “Chính trị là chiến tranh” trong diễn ngôn tin tức chính trị Mỹ)**

**CHUYÊN NGÀNH: NGÔN NGỮ HỌC**

**Code: 9220201.01**

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ**

**HÀ NỘI, 2024**

**Công trình được hoàn thành tại:  
Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Người hướng dẫn khoa học: | **:** | **1. GS. Nguyễn Hoà**  **2. TS. Huỳnh Anh Tuấn** |
|  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| Phản biện 1:  Phản biện 2:  Phản biện 3: | . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .  . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .  . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . |

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án tiến sĩ họp tại:

Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội

vào hồi giờ ngày tháng năm 2024

**Có thể tìm hiểu luận án tại:**

Thư viện Quốc gia Việt Nam

Trung tâm Thông tin - Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội

CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU

1.1. Bối cảnh và lý do của nghiên cứu

Trong một thời gian dài, nhà nghiên cứu luôn cảm thấy hứng thú và cuốn hút bởi cách thức các ngôn từ về chiến tranh được các chính trị gia sử dụng trong các sự kiện chính trị. Từ đó, nhà nghiên cứu dần hình thành mối bận tâm với cách thức ẩn dụ ý niệm về chiến tranh được sử dụng để hình thành nhận thức của công chúng qua đó thúc đẩy các cá nhân hành động theo ý muốn của các nhà hoạt động chính trị. Để tìm hiểu sâu hơn về ẩn dụ ý niệm, nhà nghiên cứu đa lựa chọn Lý thuyết Ẩn dụ ý niệm (CMT) làm trung tâm cho nghiên cứu của mình. Tuy nhiên, có một hạn chế vẫn tồn tại trong lý thuyết này đó là xu hướng phân tích ẩn dụ tách rời khỏi ngữ cảnh, bỏ qua các yếu tố về bối cảnh xã hội, chính trị và văn hóa. Trước bối cảnh đó, đường hướng nghiên cứu kết hợp giữa khung Phân tích Ẩn dụ ý niệm Đa cấp độ (MLV) và Phân tích Ẩn dụ ý niệm Phê phán (CMA) được đề xuất để có được khung phân tích toàn diện và đa tầng, đồng thời chỉ ra các yếu tố về hệ tư tưởng, mối quan hệ quyền-thế trong diễn ngôn chính trị.

1.2. Mục đích, mục tiêu và câu hỏi nghiên cứu

Nghiên cứu này tìm hiểu ẩn dụ “CHÍNH TRỊ LÀ CHIẾN TRANH”, tập trung vào cách thức các tiểu miền của chiến tranh được lựa chọn và cấu trúc ý niệm của chúng trong diễn ngôn chính trị. Nghiên cứu giải quyết ba câu hỏi:

(CH1) Những tiểu miền nào của chiến tranh thường được sử dụng nhất để thể hiện ý niệm về chính trị trong diễn ngôn tin tức?

(CH2) Ẩn dụ này được cấu trúc như thế nào trong diễn ngôn tin tức chính trị?

(CH3) Tại sao các tiểu miền cụ thể của chiến tranh lại được sử dụng để định khung các sự kiện chính trị?

1.3. Phạm vi của nghiên cứu

Nghiên cứu này khảo sát ẩn dụ “CHÍNH TRỊ LÀ CHIẾN TRANH” trong diễn ngôn tin tức chính trị của Mỹ, cụ thể là trong các bài viết thể hiện quan điểm chính trị. Nghiên cứu áp dụng ba khung lý thuyết: Lý thuyết Ẩn dụ Khái niệm (CMT), Phân tích Ẩn dụ đa cấp độ (MLV), và Phân tích Ẩn dụ Phê Phán (CMA). Nghiên cứu tập trung vào 100 bài viết về quan điểm chính trị từ tờ The New York Times về cuộc bầu cử giữa kỳ của Hoa Kỳ năm 2022, được xuất bản trong giai đoạn từ năm 2021 đến 2023.

1.4. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này dựa trên hệ hình dụng học và hệ hình phê phán. Nghiên cứu kết hợp cả phương pháp định tính và định lượng, với trọng tâm là phương pháp định tính. Nghiên cứu sử dụng khung phân tích Nhận diện ẩn dụ ý niệm (MIP) để nhận diện ẩn dụ, sau đó áp dụng khung Phân tích ẩn dụ đa cấp độ (MLV) để làm rõ các cấu trúc lược đồ của ẩn dụ “CHÍNH TRỊ LÀ CHIẾN TRANH”. Cuối cùng nghiên cứu sử dụng khung Phân tích Ẩn dụ phê phán đề tìm ra các hệ tưởng, và mối quan hệ quyền thế thể hiện trong ẩn dụ “CHÍNH TRỊ LÀ CHIẾN TRANH”.

1.5. Ý nghĩa của nghiên cứu

Về mặt lý thuyết, nghiên cứu này mở rộng sự hiểu biết của chúng ta về các tiểu miền trong ẩn dụ khái niệm “CHÍNH TRỊ LÀ CHIẾN TRANH” trong diễn ngôn tin tức chính trị và xác nhận sự liên quan của các khung lý thuyết hiện có như Phân tích Ẩn dụ phê phán (CMA) và Phân tích Ẩn dụ Đa cấp độ. Về mặt phương pháp, nghiên cứu khám phá cấu trúc lược đồ của các tiểu miền và ảnh hưởng của các mối quan hệ quyền lực và ý thức hệ trong việc định khung chính trị thông qua các khái niệm chiến tranh. Về mặt thực tiễn, nghiên cứu chứng minh sức ảnh hưởng của các ẩn dụ chiến tranh trong diễn ngôn chính trị và đề xuất các hoạt động ứng dụng để giảng dạy vai trò của ẩn dụ trong việc định hướng tư tưởng và dư luận.

1.6. Kết cấu của nghiên cứu

Nghiên cứu bao gồm 7 chương: Chương 1 – Giới thiệu, Chương 2 – Tổng quan lý thuyết, Chương 3 – Phương pháp nghiên cứu, Chương 4 – Các tiểu miền phổ biến trong ẩn dụ ý niệm “CHÍNH TRỊ LÀ CHIẾN TRANH” trong diễn ngôn tin tức chính trị Mỹ, Chương 5 – Cấu trúc ý niệm của ẩn dụ ý niệm “CHÍNH TRỊ LÀ CHIẾN TRANH”, Chương 6 – Sự định khung các sự kiện chính trị qua lăng kính của các ý niệm về “Chiến tranh”, Chương 7 - Kết luận. Các phần tiếp theo sau Chương 7 bao gồm Danh mục Tài liệu tham khảo và Phụ lục.

CHƯƠNG 2: TỔNG QUAN LÝ THUYẾT

Chương 2 cung cấp cái nhìn tổng quan về ẩn dụ ý niệm, bao gồm năm phần chính. Phần 1 và 2 cung cấp các lý thuyết khác nhau về ẩn dụ, bao gồm Lý thuyết Cổ điển về ẩn dụ và Lý thuyết Ẩn dụ ý niệm (CMT), thảo luận về quá trình ánh xạ ý niệm, tính đơn hướng của quá trình ánh xạ, mối quan hệ miền, các phê phán với lý thuyết Ẩn dụ ý niệm và Quy trình Xác định Ẩn dụ của Pragglejaz (MIP). Phần 3 tiến hành khảo sát Phân tích Ẩn dụ ý niệm Đa tầng (MLV), tập trung vào cấu trúc và hệ thống phân cấp ý niệm. Phần 4 thảo luận về Phân tích Ẩn dụ Phê phán (CMA), đánh giá vai trò của ý thức hệ và mối quan hệ quyền thế tác động tới quá trình định khung ý niệm. Cuối cùng, chương xác định các khoảng trống trong các nghiên cứu trước từ đó đặt nền tảng lý thuyết cho nghiên cứu.

2.1. Lý thuyết cổ điển về ẩn dụ

Aristotle (350 TCN) khởi xướng nghiên cứu về ẩn dụ bằng cách định nghĩa đây như một công cụ ngôn ngữ để chuyển nghĩa từ một ngữ cảnh này sang ngữ cảnh khác. Ông phân loại ẩn dụ thành bốn loại, nhấn mạnh sự tương đồng (Hawkes, 2018). Mặc dù lý thuyết của Aristotle nêu bật vai trò ẩn dụ trong việc làm phong phú ngôn ngữ, các học giả sau này đã chỉ ra sự phụ thuộc vào yếu tố ngôn ngữ và mức độ hạn chế về phạm vi của lý thuyết này (Membrez, 2019; Wood, 2017; Yan-jun, 2006). Họ cho rằng ẩn dụ thường liên quan đến các mối quan hệ phức tạp hơn thay vì sự tương đồng đơn thuần và bối cảnh văn hóa là yếu có ảnh hưởng đáng kể đến việc hiểu ẩn dụ (Ortony, 1975; Richards, 1936; Reddy, 1979; Pepitone & Triandis, 1987).

2.2. Lý thuyết ẩn dụ ý niệm

Lý thuyết ẩn dụ ý niệm (CMT), do Lakoff và Johnson (1980) đề xuất, cho rằng thay vì là một công cụ ngôn ngữ đơn thuần, ẩn dụ giữ vai trò cơ bản quan trọng trong tư duy của con người. Khác với các quan điểm truyền thống, CMT cho rằng chúng ta hiểu các khái niệm trừu tượng bằng cách ánh xạ chúng lên những trải nghiệm cụ thể.

2.2.1. Quá trình ánh xạ ý niệm

Ánh xạ ý niệm dựa trên sự tương ứng một phần giữa hai miền ý niệm: miền nguồn (cụ thể) và miền đích (trừu tượng) để hiểu cách các khái niệm trừu tượng thông qua các trải nghiệm cụ thể (Lakoff & Johnson, 1980). Quá trình ánh xạ diễn ra một cách vô thức và bao gồm nhiều đặc điểm khác nhau góp phần giúp chúng ta hiểu các khái niệm trừu tượng thông qua những trải nghiệm cụ thể (Kövecses, 2010).

2.2.2. Tính đơn hướng của ẩn dụ ý niệm

Theo Lakoff và Johnson (1980), tính đơn hướng giữa hai miền của ẩn dụ ý niệm được thể hiện thông qua việc một miền nguồn cụ thể và quen thuộc được sử dụng để hiểu một miền đích trừu tượng và phức tạp hơn. Quá trình ánh xạ này chủ yếu diễn ra theo một hướng.

2.2.3. Mối quan hệ giữa miền nguồn và miền đích

Trong mối quan hệ giữa miền nguồn và miền đích, có một số khía cạnh ở miền nguồn được ưu tiên lựa chọn để ánh xạ hơn so với các khía cạnh “ẩn”, việc này dẫn tới việc một số khía cạnh quan trọng khác trong miền nguồn bị bỏ qua hoặc che khuất. Sự chọn lọc này phản ánh sự phức tạp trong mối quan hệ giữa miền nguồn và miền đích, và chúng có thể ảnh hưởng tới quá trình hiểu về ẩn dụ.

2.2.4. Các lược đồ hình ảnh của ẩn dụ ý niệm về chiến tranh như một miền nguồn

Lược đồ hình ảnh là các mô hình lặp lại của những trải nghiệm nhận thức và vận động. Nhiều lược đồ hình ảnh góp phần vào quá trình hiểu của chúng ta về ẩn dụ ý niệm “chiến tranh.” Các lược đồ này bao gồm lược đồ xung đột, đại diện cho các lực lượng đối lập trong một cuộc đấu tranh; lược đồ lực, thể hiện sự nỗ lực và căng thẳng trong các cuộc tranh luận; và lược đồ mục tiêu – theo đuổi mục tiêu, thể hiện việc đạt được các mục tiêu như “chiến thắng trong một cuộc tranh luận.” Các lược đồ khác như không gian, vật chứa ánh xạ các khái niệm trừu tượng lên không gian vật lý như vật chứa, ranh giới; hành trình, tiến trình; tấn công-phòng thủ, động lực tấn công và bảo vệ các vị trí; và thắng-thua trong các cuộc tranh luận, tất cả đều định khung ngôn ngữ và ý niệm của chúng ta qua ẩn dụ về chiến tranh.

2.2.5. Các khía cạnh phân loại của ẩn dụ ý niệm

Kövecses (2002) cung cấp các khía cạnh để phân loại một cách toàn diện theo 4 khía cạnh: tính quy ước, chức năng, bản chất và tính phổ quát. Những khía cạnh này được ủng hổ và bổ sung bởi các học giả có ảnh hưởng khác như Lakoff và Johnson (1980), Gibbs (1992), Casasanto (2008), và Grady, những học giả này đã mở rộng phạm vi nghiên cứu ẩn dụ. Việc tích hợp các quan điểm này cho phép các nhà nghiên cứu về ẩn dụ tiếp tục khám phá cách ẩn dụ ảnh hưởng đến nhận thức, giao tiếp và hiểu biết văn hóa.

***2.2.6. Phân nhóm, phân loại, khái quát hóa ẩn dụ ý niệm***

2.2.6.1. Khung ý niệm mở rộng

Charteris-Black (2004) cho rằng khung ý niệm mở rộng tổng quát hơn so với một ẩn dụ ý niệm đơn lẻ, vì nó bao gồm tất cả các ẩn dụ liên quan, chẳng hạn như “QUỐC GIA LÀ MỘT CON NGƯỜI” bao gồm ẩn dụ “Nước Mỹ là một con người.”

2.2.6.2. Không gian khái quát

Fauconnier và Turner (1998) mô tả không gian khái quát trong lý thuyết hòa trộn ý niệm như một cấu trúc tinh thần hòa trộn các cấu trúc trừu tượng có chung đặc tính, qua đó tạo điều kiện cho việc tạo nên một không gian hay cấu trúc mới.

2.2.6.3. Ý niệm và phân loại

Murphy (2002) và Rosch (1978) đã phân tích hoạt động phân loại của con người, nhấn mạnh tầm quan trọng của các điển dạng (đại diện tiêu biểu nhất trong một nhóm) trong việc đơn giản hóa các quá trình nhận thức.

2.2.6.4. Hòa trộn ẩn dụ

Theo Fauconnier và Turner (1998, 2002), hòa trộn ẩn dụ tích hợp các yếu tố từ nhiều không gian tinh thần khác nhau để cấu tạo nên nghĩa mới. Do đó, qua hòa trộn ẩn dụ, nhiều ẩn dụ cụ thể và mới được sinh ra.

2.2.7. Phê bình về lý thuyết ẩn dụ ý niệm

2.2.7.1. Sự trực giác ngôn ngữ

Các nhà về binh cho rằng lý thuyết này nặng tính trực quan ngôn ngữ để nhận diện và phân tích, điều đó làm giảm đi tính tin cậy của lý thuyết này.

2.2.7.2. Thiếu các tiêu chí rõ ràng

Một số nhà tâm lý học và ngôn ngữ học, như Glucksberg (2001) và Steen (2007), bày tỏ lo ngại về khó khăn trong việc phân biệt giữa nghĩa đen và nghĩa ẩn dụ. Họ cho rằng các câu như “anh ấy bị trầm cảm” nên được hiểu hoàn toàn theo nghĩa đen, thay vì do các ẩn dụ ý niệm như BUỒN LÀ XUỐNG chi phối.

2.2.7.3. Phản hồi đối với các phê bình

Để giải quyết các khó khăn trong nghiên cứu ẩn dụ, các phương pháp mở rộng khung CMT đã được đề xuất (Do & Vu, 2023; Gibbs, 2011). Tính chủ quan được xử lý thông qua các quy trình nhận diện ẩn dụ của Steen (MIP, MIPVU) và các phương pháp phân tích dựa trên ngữ liệu (Steen et al., 2010). Kövecses (2017) đề xuất khung Phân tích ẩn dụ Đa tầng (MLV), kết hợp lược đồ hình ảnh, miền ý niệm, khung ý niệm và không gian tinh thần. Phân tích ẩn dụ phê phán (CMA) nêu bật các quan hệ quyền lực và hệ tư tưởng trong ẩn dụ, giải quyết các hạn chế của CMT bằng cách phân tích dựa trên các yếu tố ngữ cảnh thực tế (Chen, 2007; Li, 2016).

2.2.8. Quy trình nhận diện ẩn dụ Pragglejaz (MIP)

Quy trình nhận diện ẩn dụ Pragglejaz (MIP) là một phương pháp được phát triển bởi một nhóm nghiên cứu ẩn dụ quốc tế nhằm xác định các từ được sử dụng như một ẩn dụ trong diễn ngôn (Nhóm Pragglejaz, 2007). Quy trình này bao gồm một số bước chính:

*Đọc văn bản:* Đọc toàn bộ văn bản để nắm bắt ý nghĩa tổng thể.

*Xác định các đơn vị từ vựng:* Phân đoạn văn bản thành các đơn vị từ vựng riêng lẻ, có thể là từ hoặc cụm từ.

*Xác định nghĩa trong ngữ cảnh:* Xác định nghĩa của mỗi đơn vị từ vựng trong ngữ cảnh cụ thể của văn bản.

*Xác định nghĩa cơ bản:* Nhận diện xem đơn vị từ vựng có nghĩa cơ bản hơn trong các ngữ cảnh khác hay không, thường là nghĩa cụ thể hơn, được nhiều người sử dụng và hình thành từ lâu trong lịch sử.

*So sánh nghĩa:* So sánh nghĩa trong ngữ cảnh với nghĩa cơ bản để xem chúng mang nghĩa khác nhau nhưng vẫn có thể được hiểu liên quan đến nhau không.

*Nhận diện ẩn dụ:* Nếu nghĩa trong ngữ cảnh khác với nghĩa cơ bản và có thể được hiểu qua sự so sánh, quyết định đơn vị từ vựng đó là được sử dụng theo cách ẩn dụ.

2.2.8.1. Thế mạnh của MIP

MIP cung cấp các tiêu chí rõ ràng giúp giảm tính chủ quan và tăng sự nhất quán giữa các nhà nghiên cứu. Sự linh hoạt của phương pháp này cho phép điều chỉnh phù hợp với các văn bản và ngữ cảnh khác nhau, khiến đây trở thành một công cụ hữu dụng cho phân tích ngôn ngữ và diễn ngôn (Steen et al., 2010).

2.2.8.2. Điểm yếu MIP

MIP gặp khó khăn trong việc xác định đúng các đơn vị từ vựng trong các cụm nhiều từ và cụm động từ, dẫn đến sự không nhất quán (Steen et al., 2010). Nó có thể bỏ sót các nghĩa ẩn dụ trong các cụm từ thành ngữ như “kick the bucket” (chết) và gặp khó khăn trong việc giải quyết các thuật ngữ mơ hồ hoặc ngôn ngữ chuyên ngành như “campaign,” trong ẩn dụ “CHÍNH TRỊ LÀ CHIẾN TRANH.”

2.2.8.3. Chiến lược khắc phục điểm yếu của MIP

Để giải quyết các điểm yếu của MIP, các nhà nghiên cứu có thể xử lý các cụm từ thông dụng như là một đơn vị từ vựng duy nhất và sử dụng các từ điển chuyên ngành cũng như phân tích dựa trên sự đồng thuận để làm rõ sự mơ hồ trong ngữ cảnh và nắm bắt tốt hơn các nghĩa ẩn dụ.

2.3. Khung phân tích ẩn dụ đa tầng (MLV)

Việc phân tích các ẩn dụ ý niệm đã gặp nhiều khó khăn do sự đa dạng và chồng chéo của các thuật ngữ và khung lý thuyết. Vấn đề này gây khó khăn cho việc phân tích một cách có hệ thống. Kövecses (2017) đã giải quyết bằng cách đua ra khung “phân tích ẩn dụ đa tầng.”

2.3.1. Cấu trúc ý niệm của ẩn dụ

2.3.1.1. Lược đồ hình ảnh và ẩn dụ ý niệm

Lược đồ hình ảnh là các mô hình lặp lại được hình thành từ trải nghiệm của chúng ta. Chúng đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành các ẩn dụ ý niệm, vì chúng duy trì tính logic xuyên suốt các miền khác nhau. Chúng định hình cách chúng ta hiểu các ý niệm trừu tượng.

2.3.1.2. Định khung ý niệm và ẩn dụ ý niệm

Sullivan (2013) sử dụng thuật ngữ “khung” để mô tả các cấu trúc ý niệm chi tiết trong một miền, chẳng hạn như CHIẾN TRANH bao gồm các khung ý niệm như CHỨC NĂNG và CHẤT LƯỢNG.

2.3.1.3. Không gian tinh thần và ẩn dụ ý niệm

Kövecses (2017) chỉ ra các không gian tinh thần là những cấu trúc riêng biệt đại diện cho các tình huống cụ thể trong diễn ngôn. Chúng chứa thông tin ngữ cảnh quan trọng giúp hiểu ẩn dụ trong diễn ngôn.

2.3.2. Các cấp nhận thức của ẩn dụ ý niệm

Phân tích ẩn dụ đa tầng, do Kövecses (2017) đề xuất, cung cấp hệ thống phân cấp từ cấp độ có chung nhất (lược đồ hình ảnh), đến cấp độ chi tiết nhất (không gian tinh thần).

2.3.3. Ý nghĩa của khung phân tích MLV

Khung phân tích ẩn dụ đa tầng củng cố lý thuyết ẩn dụ ý niệm bằng cách giải quyết các khó khăn trong việc xác định các cấu trúc ý niệm và hiểu hệ thống ý niệm của ẩn dụ (Kövecses, 2015; 2017).

2.4. Phân tích ẩn dụ phê phán (CMA)

Phân tích ẩn dụ phê phán (CMA), do Charteris-Black (2004) đề xuất, kết hợp ngữ dụng học, tu từ học, ngôn ngữ học tri nhận, phân tích diễn ngôn phê phán và ngôn ngữ học ngữ liệu để tìm ra những ý định vô thức của người dùng ngôn ngữ.

2.4.1. Tính đa vai trò của ẩn dụ ý niệm

Ẩn dụ ý niệm đóng vai trò quan trọng trong Phân tích ẩn dụ phê phán (CMA), liên kết ngôn ngữ và tư duy bằng cách làm cho các khái niệm trừu tượng trở nên dễ hiểu thông qua các thuật ngữ cụ thể (Huang, 2020; Landau et al., 2010). Về mặt ngữ dụng, dựa trên ngữ cảnh và mục tiêu tu từ, ẩn dụ tác động tới dư luận và góp phần định hình diễn ngôn chính trị. (Raquel et al., 2015; Gibbs, 2023). Về mặt ngôn ngữ học, chúng được tổ chức thành các hệ thống để kết nối các biểu thức diễn đạt với các cấu trúc rộng hơn (Rakova, 2003; Valenzuela, 2013).

2.4.2. Tính liên ngành của CMA

Khác với Lý thuyết ẩn dụ ý niệm (CMT), CMA là quá trình phân tích thực nghiệm dựa trên ngữ liệu thực thế, qua đó nâng cao tính khách quan trong khi vẫn là nghiên cứu về tri nhận. Khung phân tích này cũng bổ sung cho Phân tích diễn ngôn phê phán (CDA) bằng cách tìm ra các hệ tư tưởng và các cấu trúc quyền lực, mang lại cái nhìn sâu sắc hơn về cách ẩn dụ định hình các chuẩn mực xã hội.

2.4.3. Các bước phân tích trong CMA

Phân tích ẩn dụ phê phán của Charteris-Black (CMA) bao gồm ba giai đoạn:

*Nhận diện ẩn dụ:* Xác định và phân loại các từ khóa ẩn dụ trong văn bản, xác định xem nghĩa của chúng là ẩn dụ hay nghĩa đen, và suy luận ra các ẩn dụ ý niệm rộng hơn.

*Diễn giải:* Hiểu và diễn giải các ẩn dụ này để khám phá các mô hình và cấu trúc tri nhận định hình cách thức các trải nghiệm được ý niệm hóa.

*Giải thích:* Giải thích các động cơ về mặt xã hội và ý thức hệ đằng sau các ẩn dụ, tập trung vào chức năng thuyết phục và sự ảnh hưởng của cả yếu tố hệ tư tưởng và văn hóa.

2.4.4. Ứng dụng CMA vào phân tích ẩn dụ ý niệm

Phân tích ẩn dụ phê phán (CMA) được tiến hành bằng cách tích hợp với ngôn ngữ học ngữ liệu, xem xét các bối cảnh xã hội-chính trị, văn hóa và lịch sử, cũng như ý định của người nói. Tuy nhiên, CMA đơn lẻ có thể không hoàn toàn chỉ ra được các cấu trúc ý niệm trong các ẩn dụ ý niệm cụ thể như CHÍNH TRỊ LÀ CHIẾN TRANH. Để khắc phục điều này, cần tích hợp Phân tích ẩn dụ đa tầng của Kövecses, để tìm hiểu cấu trúc ý niệm của ẩn dụ ở các cấp độ cụ thể và trừu tượng khác nhau.

2.4.5. Khung phân tích kết hợp CMA và MLV

Khung phân tích này kết hợp Phân tích ẩn dụ phê phán (CMA) với Phân tích ẩn dụ đa tầng (MLV) để tạo ra một phương pháp phân tích toàn diện hơn. CMA tập trung vào các động lực xã hội-văn hóa và quyền lực, trong khi MLV làm rõ các cấu trúc ẩn dụ qua các cấp độ ý niệm như lược đồ hình ảnh, miền ý niệm và khung.

2.5. Tổng quan về lý thuyết và phương pháp của các liên cứu có liên quan

2.5.1. Ẩn dụ chiến tranh trong diễn ngôn chính trị

Ẩn dụ “chiến tranh” đã trở thành một công cụ mạnh mẽ trong hoạt động truyền thông của chính phủ Hoa Kỳ. Ẩn dụ chiến tranh được sử dụng để tuyên truyền các chính sách như “Cuộc chiến chống ma túy” của Nixon (Sharp, 1994) và “Cuộc chiến chống đói nghèo” của Johnson (Farmbry, 2014) như những trận chiến cấp bách cần đến nỗ lực toàn quốc. Thông qua ẩn dụ chiến tranh, các các vấn đề phức tạp được đơn giản hóa và làm cho các thách thức trở nên dễ hiểu từ đó huy động sự ủng hộ của công chúng (Gibbs, 1994; Thibodeau & Boroditsky, 2011). Các ẩn dụ chiến tranh cũng khơi dậy những phản ứng cảm xúc mạnh mẽ, thúc đẩy sự kiên cường và đoàn kết trong các cuộc khủng hoảng như đại dịch COVID-19 (Seixas, 2020). Hiệu quả của chúng bắt nguồn từ sự quen thuộc về văn hóa và nhận thức, khiến chúng trở nên linh hoạt trong nhiều bối cảnh như chính trị, thể thao và y tế (Bowdle & Gentner, 2005).

2.5.2. Các nghiên cứu trước đây về ẩn dụ ý niệm Chiến tranh như một miền nguồn

Ẩn dụ chiến tranh được nghiên cứu rộng rãi do sự phổ biến của nó trong hệ thống ý niệm của con người (Lakoff & Johnson, 1980, 1999; Charteris-Black, 2004; Musolff, 2004). Lakoff đã tiến hành tìm hiểu việc sử dụng loại ẩn dụ này để biện giải về cuộc Chiến tranh Vùng Vịnh, trong khi Charteris-Black (2004) đã chỉ ra ẩn dụ “Khủng bố là Chiến tranh” và “Thể thao là Chiến tranh.” Các nhà nghiên cứu như Wei (2001) và Bacharach (2006) đã phân tích các ẩn dụ chiến tranh trong hoạt động hùng biện của Đài Loan và Hoa Kỳ, trong khi Vestermark (2007) và các nhà nghiên cứu khác đã nghiên cứu việc sử dụng chúng trong các bài phát biểu chính trị ở nhiều quốc gia khác nhau. Sun Ling (2010) đã tìm ra việc định khung “CUỘC BẦU CỬ CHÍNH TRỊ LÀ MỘT TRẬN CHIẾN”.

2.5.3. Các khoảng trống trong các nghiên cứu trước

Nhiều nghiên cứu về ẩn dụ ý niệm “CHÍNH TRỊ LÀ CHIẾN TRANH,” thiếu tính hệ thống trong việc phân loại, sắp xếp các tiểu miền cũng như khái quát hoá cấu trúc ý niệm ở quy mô rộng hơn. Để giải quyết vấn đề này, nghiên cứu kết hợp Phân tích ẩn dụ đa tầng (MLVA) của Kövecses (2017) với Phân tích ẩn dụ phê phán (CMA) của Charteris-Black (2004) được đề xuất để khám phá các cấu trúc nhận thức và tìm hiểu cách ẩn dụ ảnh hưởng đến quyền lực và hệ tư tưởng. Sự kết hợp này mang lại sự hiểu biết toàn diện hơn về ẩn dụ, bao trùm cả các chiều nhận thức và xã hội-chính trị, khắc phục những hạn chế của các phương pháp định tính thuần túy.

Chapter 3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu này được định hướng bởi ba câu hỏi nghiên cứu:

(CH1) Những tiểu miền nào của chiến tranh thường được sử dụng nhất để thể hiện ý niệm về chính trị trong diễn ngôn tin tức?

(CH2) Ẩn dụ “CHÍNH TRỊ LÀ CHIẾN TRANH” được cấu trúc như thế nào trong diễn ngôn tin tức chính trị?

(CH3) Tại sao các tiểu miền cụ thể của chiến tranh lại được sử dụng để định khung các sự kiện chính trị?

Để giải quyết các câu hỏi này, nghiên cứu đề xuất quy trình bào gồm các bước nhận diện, phân loại, diễn giải và giải thích các ẩn dụ ý niệm bằng cách sử dụng mô hình tích hợp CMA-MLV. Ngoài ra, chương này thảo luận về các nguồn dữ liệu và tiêu chí lựa chọn để đảm bảo tính minh bạch nghiên cứu.

3.1. Phương pháp nghiên cứu và cấu trúc nghiên cứu

Nghiên cứu phương pháp hỗn hợp (MMR) đặc biệt phù hợp để tìm hiểu các ẩn dụ ý niệm trong diễn ngôn chính trị, vì phương pháp này cho phép tiến hành phân tích đa chiều, cả chiều sâu và chiều rộng. Nghiên cứu được dựa trên hệ hình dụng học và phê phán. Cụ thể hệ hình dụng học cho phép tiến hành tổng hợp định tính (Hannes & Lockwood, 2011), trong khi đó hệ hình phê phán cung cấp khung phân tích ẩn dụ trong diễn ngôn cụ thể (Strydom, 2011; Talib & Fitzgerald, 2016).

3.1.1. Cơ sở triết học của nghiên cứu

3.1.1.1. Hệ hình dụng học

Hệ hình dụng học đặc biệt phù hợp để nghiên cứu ẩn dụ “CHÍNH TRỊ LÀ CHIẾN TRANH” vì hệ hình này chú trọng làm rõ các hệ tư tưởng thông qua các hệ quả thực tiễn và việc áp dụng chúng ở đời thực (Goldkuhl, 2004; Giacobbi et al., 2005).

3.1.1.2. Hệ hình phê phán

Critical theory is particularly well-suited for researching the *“POLITICS IS WAR”* metaphor because of its focus on uncovering and challenging power structures, social oppression, and ideological constructs (Guliashvili, 2019; Chiang & Duann, 2007; Chahbane & Zrizi, 2023).

Hệ hình phê phán phù hợp để nghiên cứu ẩn dụ “CHÍNH TRỊ LÀ CHIẾN TRANH” vì nó tập trung vào việc tìm hiểu các cấu trúc quyền lực, sự áp bức xã hội và các cấu trúc ý thức hệ (Guliashvili, 2019; Chiang & Duann, 2007; Chahbane & Zrizi, 2023).

3.1.2. Áp dụng phương pháp nghiên cứu hỗn hợp

Phương pháp hỗn hợp trong nghiên cứu này giải quyết các câu hỏi nghiên cứu một cách có hệ thống. Đối với câu hỏi nghiên cứu 1, phân tích định lượng 100 bài báo sử dụng phần mềm Wordsmith 8.0 và MIP sẽ xác định các ẩn dụ chiến tranh, sau đó những ẩn dụ này sẽ được phân loại vào các nhóm. Câu hỏi nghiên cứu 2 sử dụng các phương pháp định tính và phân tích đa tầng để diễn giải và khám phá các cấu trúc ý niệm của các nhóm ẩn dụ. Đối với câu hỏi nghiên cứu 3, phân tích ẩn dụ phê phán (CMA) sẽ tìm hiểu các bối cảnh lịch sử, quan hệ quyền lực và hệ tư tưởng đằng sau các ẩn dụ.

3.1.3. Kết cấu của nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện qua ba giai đoạn:

*Giai đoạn 1 (CH1):* Giai đoạn này kết hợp phương pháp định lượng và định tính để xác định và phân loại các ẩn dụ từ 100 bài báo được thu thập từ The New York Times. Bắt đầu bằng việc sử dụng phần mềm Word Smith Tools 8.0, để phân tích một danh sách các từ tố có liên quan đến chiến tranh và nhận diện bằng Quy trình Nhận diện Ẩn dụ (MIP) xem từ tố đó có hàm chứa ẩn dụ hay không. Các ẩn dụ sau đó được phân loại và đánh giá dựa trên tần suất để tìm xem các tiểu miền nào phổ biến nhất.

Giai đoạn 2 (RQ2): Giai đoạn này tập trung vào phân tích định tính các ẩn dụ phổ biến nhất được xác định trước đó. Những ẩn dụ phổ biến nhất sau đó sẽ được phân tích bằng khung Phân tích ẩn dụ đa tầng (MLV) để tìm hiểu cấu trúc ý niệm của chúng.

Những ẩn dụ này được phân tích nhận thức bằng cách sử dụng quan điểm đa tầng, khám phá cách ẩn dụ “CHÍNH TRỊ LÀ CHIẾN TRANH” được khái niệm hóa trong diễn ngôn chính trị.

Giai đoạn 3 (RQ3): Giai đoạn cuối cùng tập trung phân tích định tính để diễn giải và đánh giá các ẩn dụ bằng Phân tích Ẩn dụ Ý niệm (CMA), qua đó chỉ ra bối cảnh lịch sử, qua hệ quyền thế và hệ tư tưởng có ảnh hưởng tới việc sử dụng ẩn dụ.

3.2. Phương pháp nghiên cứu

Việc sử dụng các phương pháp định tính Phân tích Nội dung Định tính và Phân tích Diễn ngôn xuất phát từ mục đích muốn tìm hiểu sâu về ẩn dụ ý niệm trong diễn ngôn chính trị. Những phương pháp này giúp phân tích dữ liệu trên văn bản, nhận diện các mô hình và chủ đề. Bên cạnh đó phương pháp Phân tích ẩn dụ phê phán (CMA) giúp tìm hiểu các hệ tư tưởng và mối quan hệ quyền thế ở mức độ rộng hơn. Nghiên cứu cũng được bổ trợ bởi các phương pháp định lượng để phân tích các sự kiện chính trị trong khoảng thời gian từ năm 2021 đến 2023, thông qua 100 bài báo của The New York Times. Công cụ Word Smith Tools 8.0 xác định ngữ cảnh sử dụng của các từ tố được chọn lựa từ danh sách 61 từ tố liên quan đến chiến tranh.

3.2.1. Nhận diện và sắp xếp ẩn dụ ý niệm (CH1)

3.2.1.1. Thu thập dữ liệu – phương pháp định lượng

*Nguồn dữ liệu*

Nghiên cứu này thu thập 100 bài báo chính trị từ tờ báo The New York Times trong khoảng thời gian từ năm 2021 đến 2023, tập trung vào các cuộc bầu cử giữa nhiệm kỳ ở Hoa Kỳ. Đây là khoảng thời gian thể hiện những xung đột về chính trị rõ rệt giữa 2 đảng chính trị tại Mỹ và sự xung đột trong nội bộ từng đảng. Nguồn dữ liệu này tạo cơ sở để tiến hành nghiên cứu việc sử dụng ẩn dụ chiến tranh xung quanh các bài báo quan điểm về các sự kiện chính trị tại Mỹ.

*Xây dựng khối dữ liệu*

Nghiên cứu này xây dựng một khối ngữ liệu từ các bài viết thể hiện quan điểm của tờ báo The New York Times của Hoa Kỳ, tập trung vào cuộc bầu cử giữa nhiệm kỳ năm 2022. Để đảm bảo một bộ dữ liệu mang tính đại diện và có quy mô phù hợp, nhà nghiên cứu đã chọn các bài viết ý kiến từ năm 2021 đến năm 2023.

*Chọn mẫu*

*+ Tiêu chí chọn mẫu:* Tiêu chí chọn mẫu được thiết kế để đảm bảo tính đại diện, toàn diện và các ý kiến khách quan xung quanh các sự kiện địa chính trị chính từ ngày 1 tháng 1 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023. Việc lựa chọn cũng được tiến hành theo chủ đề để có cái nhìn đa chiều về cuộc bầu cử giữa nhiệm kỳ năm 2022 ở Mỹ.

*+ Chọn mẫu ngẫu nhiên:* Phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên sẽ được sử dụng để chọn các bài viết thể hiện quan điểm về cuộc bầu cử giữa nhiệm kỳ năm 2022 từ năm 2021 đến năm 2023. Phương pháp này giúp loại bỏ các sai lệch có thể phát sinh từ việc chọn lựa không ngẫu nhiên, đảm bảo rằng mỗi bài viết trong khoảng thời gian này có cơ hội được lựa chọn ngang nhau.

*+ Lựa chọn theo chủ đề:* Việc lựa chọn được tiến hành theo các chủ đề chính của cuộc bầu cử giữa nhiệm kỳ năm 2022, như các cáo buộc gian lận, sự phân chia đầu phiếu theo chủng tộc, và cơ chế tài trợ cho các chiến dịch tranh cử.

*+ Kiểm tra và lựa chọn trực tiếp:* Quá trình kiểm tra được tiến hành trực tiếp để đảm bảo độ bao phủ rộng của các quan điểm chính trị, các phong cách viết báo được đưa vào khối dữ liệu.

*+ Mã hóa:* Các bài báo được lựa chọn sẽ được mã hóa theo thứ tự xuất hiện từ 1 tới 100, mỗi bài báo sẽ được gán một mã nhận dạng, ví dụ A1-T1 cho Bài báo 1 – chủ đề 1)

3.2.1.2. Danh sách từ tố - phương pháp định lượng

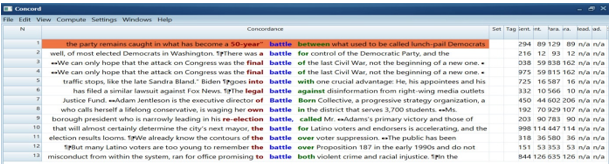
Một danh sách gồm 61 từ tố liên quan đến ẩn dụ “CHIẾN TRANH”, được chọn lọc từ các phân loại của các tác giả Camiciottoli (2007) và Fabiszak (2007).

3.2.1.3. Phân tích mối quan hệ của từ tố - phương pháp định lượng

Phân tích mối quan hệ của từ tố được minh họa qua trường hợp từ tố “battle”. Các từ vị liên quan đến từ tố “battle”, bao gồm “battle,” “battles,” “battled,” và “battling”, đã được phân tích bằng công cụ Word Smith Tools 8.0. Phân tích này đã đưa ra các kết quả sau:

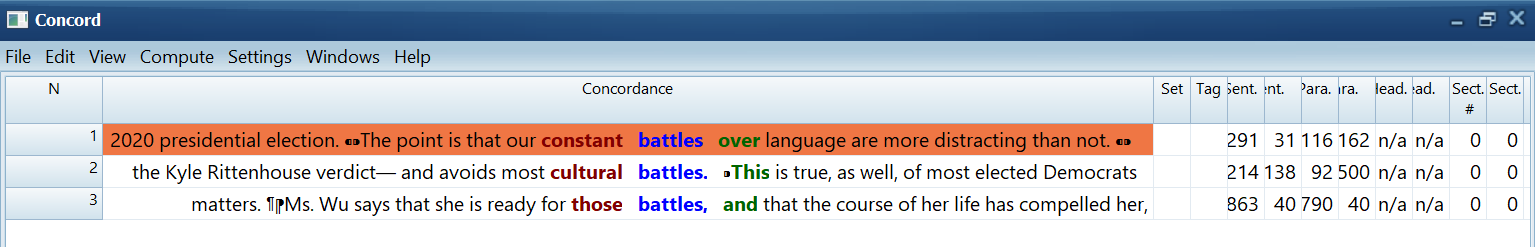
**Hình 1.**

***Mối quan hệ từ của “battle”***



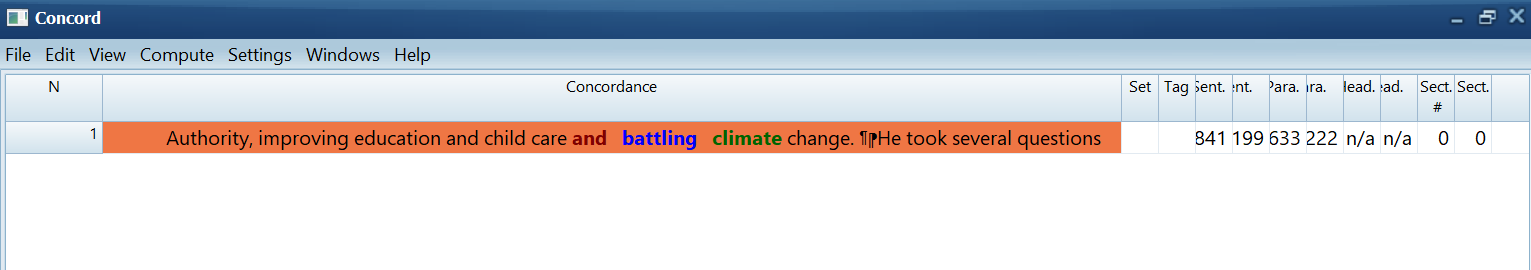
**Hình 2.**

***Mối quan hệ từ của “battles”***



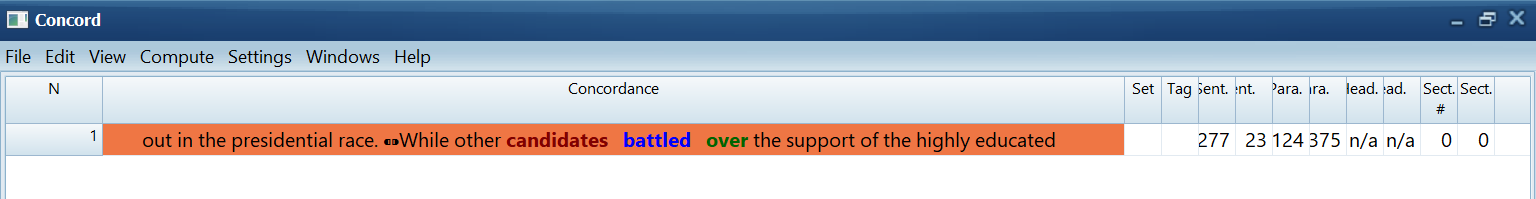
**Hình 3.**

***Mối quan hệ từ của “battling”***



**Hình 4.**

***Mối quan hệ từ của “battled”***



Kết quả mang lại, từ vị “battle” có 13 đơn vị, “battles” có 3, “battling” có 1, và “battled” có 1. Những đơn vị này được tiếp tục phân tích theo khung MIP để xác định xem liệu chúng có phải ẩn dụ ý niệm

3.2.1.4. Chu trình xác định ẩn dụ ý niệm (MIP – Nhóm Pragglejaz, 2007) – phương pháp định tính

“Để xác định Ẩn dụ Ý niệm về Chiến tranh, Quy trình Nhận diện Ẩn dụ (MIP) của Nhóm Pragglejaz (2007) đã được áp dụng. Quá trình này bao gồm:

- Xác định nghĩa của từ trong ngữ cảnh.

- Kiểm tra nghĩa gốc của từ.

- So sánh hai nghĩa.

- Xác định các mối liên kết ý niệm.

3.2.1.5. Phân nhóm và phân loại ẩn dụ – phương pháp định tính

Sau khi được nhận diện, các biểu thức ẩn dụ cụ thể hoặc riêng lẻ được phân nhóm dựa trên các khung lý thuyết: ý niệm mở rộng (Charteris-Black, 2004), không gian khái quát và lý thuyết hòa trộn ý niệm (Fauconnier và Turner, 1998), các ý niệm và phân loại (Murphy, 2002; Rosch, 1978).

Sau đây là tóm tắt các bước liên quan đến việc tạo ra ẩn dụ ý niệm khái quát:

*Xác định Miền Đích Cụ thể:* Bắt đầu với các hoạt động và sự kiện chính trị riêng biệt, xác định các miền cụ thể nơi các ẩn dụ ý niệm xuất hiện.

*Phân loại vào Miền Đích Trung gian:* Phân nhóm các miền đích cụ thể vào các danh mục trung gian rộng hơn dựa trên sự tương đồng về cấu trúc.

*Khái quát Miền Nguồn Trung gian:* Nhận diện và phân loại các miền nguồn cụ thể.

*Phát triển Ẩn dụ Ý niệm Trung gian:* Kết hợp các miền đích và miền nguồn trung gian để hình thành các ẩn dụ trung gian.

*Tạo ra Ẩn dụ Khái quát:* Tích hợp các ẩn dụ trung gian thành một ẩn dụ khái quát ở cấp độ cao, bao quát toàn bộ chủ đề chính.

*3.2.1.6. Lựa chọn các miền nguồn phổ biến nhất – phương pháp định lượng*

*Xác định Ẩn dụ Khái quát:* Nhận diện các ẩn dụ chính (ví dụ: “SỰ THAM GIA CHÍNH TRỊ LÀ MỘT CUỘC ĐỐI ĐẦU VẬT LÝ”).

*Định lượng Tần suất Xuất hiện:* Đếm tần suất của mỗi biểu thức (ví dụ: “fight”: 31 lần xuất hiện, “attack”: 9 lần xuất hiện, “defeat”: 22 lần xuất hiện, “destroy”: 3 lần xuất hiện, “hit”: 1 lần xuất hiện, “kill”: 5 lần xuất hiện, “strike”: 2 lần xuất hiện, “struggle”: 28 lần xuất hiện, “war”: 4 lần xuất hiện).

*Tính Tần suất:* Tần suất = (Tổng số lượng ẩn dụ trong một ẩn dụ khái quát) / (Tổng số lượng ẩn dụ trong dữ liệu) × 100

Nếu có 105 lần xuất hiện trong tổng số 438 lần liên quan đến “SỰ THAM GIA CHÍNH TRỊ LÀ MỘT CUỘC ĐỐI ĐẦU VẬT LÝ,” tần suất là 24%.

*Diễn giải:* Tần suất này cho thấy mức độ phổ biến của ẩn dụ. Sau đó, tần suất này sẽ được so sánh giữa các ẩn dụ để xác định ẩn dụ phổ biến nhất.

3.2.2. Diễn giải ẩn dụ (Phân tích ẩn dụ đa tầng - Kövecses, 2017) – phương pháp định tính (CH2)

Sau khi được chọn là ẩn dụ ý niệm, ẩn dụ “attack” đã được phân tích theo cách tiếp cận Phân tích ẩn dụ đa tầng (MLV) như sau:

***Lược đồ hình ảnh:*** Ẩn dụ này thể hiện lược đồ Nguồn–Đường–Mục tiêu, cho thấy hướng đi và mục đích của cuộc hoạt động chính trị.

***Miền:*** Ẩn dụ này được phân loại dưới miền “CHÍNH TRỊ LÀ CUỘC CHIẾN VẬT LÝ,” phản ánh tính đối kháng của cạnh tranh chính trị.

***Khung:*** Ẩn dụ này định khung các cuộc tấn công bằng lời lẽ như là những động thái chiến lược trong một trận chiến chính trị, với mục tiêu đạt được chiến thắng.

***Không gian tinh thần*** Ẩn dụ “attack” tạo ra một không gian tinh thần của cuộc đấu tranh quyền lực giữa Đảng Dân chủ và Đảng Cộng hòa.

3.2.3. Giải thích ẩn dụ (Phân tích Ẩn dụ Phê phán – Charteris-Black, 2004) – phương pháp định tính (CH3)

*Hệ tư tưởng:* Ẩn dụ “attack” ẩn chứa hệ tư tưởng về bầu cử là một cuộc đấu tranh quyền lực liên tục, với mục tiêu tối thượng là dành chiến thắng. Điều đó cho thấy, trong chính trị Mỹ giành chiến thắng quan trọng các mục tiêu khác như công bằng xã hội hoặc thúc đẩy chính sách.

*Bối cảnh lịch sử:* Ẩn dụ này có nguồn gốc sâu xa trong lịch sử cạnh tranh chính trị ở Hoa Kỳ, đặc biệt là trong bối cảnh bầu cử.

*Quan hệ quyền thế:* Ẩn dụ này làm nổi bật các động thái quyền lực giữa các đảng chính trị, chẳng hạn như nỗ lực của Đảng Cộng hòa nhằm làm suy yếu sự ủng hộ đối với Đảng Dân chủ trong cộng đồng cử tri Latino.

Chương 4. CÁC TIỂU MIỀN PHỔ BIẾN TRONG ẨN DỤ Ý NIỆM “CHÍNH TRỊ LÀ CHIẾN TRANH” TRÊN DIỄN NGÔN CHÍNH TRỊ TIN TỨC MỸ

4.1. Các tiểu miền của ẩn dụ ý niệm “CHÍNH TRỊ LÀ CHIẾN TRANH”

Từ kết quả phân tích nghiên cứu đã xác định được 438 ẩn dụ ý niệm riêng lẻ trong ẩn dụ “CHÍNH TRỊ LÀ CHIẾN TRANH”, từ đó nghiên cứu phân loại thành 8 nhóm lớn. Từ các bài báo thể hiện quan điểm về cuộc bầu cử giữa nhiệm kỳ năm 2022 ở Hoa Kỳ, ẩn dụ ý niệm về chiến tranh xuất hiện ở 40 từ tố. Trước khi được nhóm thành 8 nhóm lớn, các ẩn dụ riêng lẻ đã được sắp xếp thành 24 nhóm ẩn dụ trung cấp

Dưới đây là bản tổng hợp chi tiết:

**Table 1.**

***Frequency of conceptual metaphor occurrence***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Ẩn dụ ý niệm ở tầng khái quát** | **Intermediate Conceptual Metaphor** |
| **1** | HOẠT ĐỘNG CHÍNH TRỊ LÀ ĐỐI ĐẦU VẬT LÝ | 1. SỰ THAM GIA/ SẮP XẾP/ THAM DỰ CHÍNH TRỊ LÀ SỰ XÂM LƯỢC VẬT LÝ (tấn công, chiến đấu)  KẾT QUẢ BẦU CỬ LÀ KẾT QUẢ CỦA MỘT CUỘC XUNG ĐỘT (thất bại)  2. NGHỊCH CẢNH CHÍNH TRỊ LÀ TỔN HẠI VẬT LÝ (phá hủy, giết, đánh)  3. CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH TRỊ LÀ CHIẾN TRANH (đình công/đánh)  4. NỖ LỰC CHÍNH TRỊ LÀ NHỮNG TRẬN CHIẾN (đấu tranh)  5. CÁCH TIẾP CẬN CHÍNH TRỊ LÀ SỰ THAM GIA VÀO CHIẾN TRANH (chiến tranh) |
| **2** | TRANH CỬ LÀ XUNG ĐỘT CÓ TỔ CHỨC | 1. THÁCH THỨC CHÍNH TRỊ LÀ CÁC CUỘC TẤN CÔNG VẬT LÝ ĐE DỌA (tấn công, khai hỏa)  2. CHIẾN LƯỢC CHÍNH TRỊ LÀ CÁC PHẢN ỨNG BẠO LỰC (gây phản tác dụng)  3. CẠNH TRANH CHÍNH TRỊ LÀ NHỮNG CUỘC CHIẾN BẠO LỰC (trận chiến) |
| **3** | CÁCH THỨC LÀM CHÍNH TRỊ LÀ MỘT CHIẾN DỊCH QUÂN SỰ | 1. TIẾN HÀNH CHIẾN DỊCH TRANH CỬ LÀ THỰC HÀNH CHIẾN ĐẤU (chiến lược, chiến lược gia, triển khai, chiến dịch, khởi động)  2. CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH TRỊ LÀ HÀNH ĐỘNG QUÂN SỰ/CHIẾN LƯỢC (chỉ huy, chinh phục, xâm lược, bao vây)  3. THAM VỌNG CHÍNH TRỊ LÀ MỤC TIÊU QUÂN SỰ (mục tiêu, lãnh thổ)  4. CHIẾN LƯỢC CHÍNH TRỊ LÀ MỘT VŨ KHÍ QUÂN SỰ (vũ khí) |
| **4** | CUỘC BẦU CỬ CHÍNH TRỊ LÀ MỘT CUỘC CHIẾN PHÒNG THỦ ĐỂ GIÀNH QUYỀN LỰC | SỰ THAM GIA CHÍNH TRỊ LÀ SỰ BẢO VỆ XÃ HỘI/TÔN GIÁO (bảo vệ)  5. THỰC HÀNH DÂN CHỦ LÀ ĐÒN ĐÁNH VẬT LÝ (tồn tại) |
| **5** | THÀNH CÔNG CHÍNH TRỊ LÀ THÀNH TỰU QUÂN SỰ | 1. GIÀNH ĐƯỢC LỢI THẾ CHÍNH TRỊ LÀ CHIẾN THẮNG TRONG TRẬN CHIẾN (chiến thắng)  2. THÀNH CÔNG TRONG BẦU CỬ LÀ MỘT CHIẾN THẮNG QUÂN SỰ (thắng lợi)  3. TỪ BỎ MỘT NỖ LỰC CHÍNH TRỊ LÀ MỘT SỰ THẤT BẠI QUÂN SỰ (đầu hàng) |
| **6** | QUYỀN LỰC CHÍNH TRỊ LÀ SỰ KIỂM SOÁT VỀ QUÂN SỰ | 1. QUYỀN LỰC CHÍNH TRỊ LÀ MỘT SỰ CHIẾM GIỮ QUÂN SỰ (thống trị)  2. QUYỀN LỰC CHÍNH TRỊ LÀ MỘT PHÁO ĐÀI (củng cố) |
| **7** | XUNG ĐỘT VỀ CHÍNH TRỊ LÀ SỰ CẢN TRỞ VỀ QUÂN SỰ | 1. THÁCH THỨC CHÍNH TRỊ LÀ SỰ KHÁNG CỰ QUÂN SỰ (nổi loạn, kháng cự)  2. VẤN ĐỀ CHÍNH TRỊ LÀ NHỮNG CHƯỚNG NGẠI VẬT QUÂN SỰ (mối đe dọa, rào cản) |
| **8** | NHỮNG NGƯỜI ỦNG HỘ CHÍNH TRỊ LÀ CÁC TỔ CHỨC QUÂN SỰ | 1. CÁC NHÓM CHÍNH TRỊ LÀ CÁC ĐƠN VỊ QUÂN ĐỘI (vũ trang, lực lượng, quân đội))  2. MỐI QUAN HỆ CHÍNH TRỊ LÀ LIÊN MINH QUÂN SỰ (đồng minh) |

4.2. Các tiểu miền phổ biến nhất trong ẩn dụ ý niệm CHÍNH TRỊ LÀ CHIẾN TRANH

Nghiên cứu đã tìm thấy 8 tiểu miền phổ biến hay 8 nhóm ẩn dụ ở tần khái quát. Việc xác định độ phổ biến được căn cứ trên tổng số lần xuất hiện của các biểu thức liên quan. Các phát hiện chính bao gồm:

Ẩn dụ khái quát 1: SỰ THAM GIA CHÍNH TRỊ LÀ MỘT CUỘC ĐỐI ĐẦU VẬT LÝ – 24% số lần xuất hiện.

Ẩn dụ khái quát 3: CÁCH THỨC LÀM CHÍNH TRỊ LÀ MỘT CHIẾN DỊCH QUÂN SỰ – 23% số lần xuất hiện.

Ẩn dụ khái quát 5: THÀNH CÔNG CHÍNH TRỊ LÀ THÀNH CÔNG VÀ THÀNH TỰU QUÂN SỰ – 26% số lần xuất hiện.

Ẩn dụ khái quát 8: NHỮNG NGƯỜI ỦNG HỘ CHÍNH TRỊ LÀ CÁC ĐƠN VỊ QUÂN ĐỘI – 10,2% số lần xuất hiện.

Những con số này đại diện cho tỷ lệ của mỗi nhóm ẩn dụ tổng quát so với tổng số biểu thức ẩn dụ được phân tích, và cho thấy mức độ phổ biến của chúng trong diễn ngôn chính trị.

4. 3. Các kết quả nghiên cứu khác

4.3.1. Sự phong phú

Có sự biến động đáng chú ý về mức độ phong phú của ẩn dụ được tìm thấy ở các từ tố khác nhau. Các từ tố như “đồng minh,” “chiến đấu,” và “chiến lược” cho thấy sự nhất quán trong sử dụng ẩn dụ với tỷ lệ cao về ẩn dụ so với số lượng từ. Ngược lại, các từ vị như “chiến thắng” và “thắng lợi” được sử dụng nhiều nhưng với tần suất ẩn dụ lại thấp. Một số từ vị như “mối đe dọa” và “chiến tranh” có tần suất ẩn dụ thấp, trong khi các thuật ngữ khác như “phản tác dụng,” “chiến hào,” và “kháng cự” lại có tần suất ẩn dụ cao.

4.3.2. Các chủ đề nổi bật

Từ kết quả của CH1, có thể thấy ẩn dụ ý niệm chiến tranh được sử dụng chủ yếu để thể hiện chính trị như một đấu trường nơi diễn ra cuộc tranh đấu giữa các bên đối lập để giành lợi thế cũng như bảo vệ nền dân chủ. Những chủ đề về sự đối kháng chính trị,

4.4. Đối chiếu kết quả nghiên cứu với câu hỏi nghiên cứu

Nghiên cứu đã nhận diện 438 ẩn dụ cụ thể hay đơn lẻ trong ẩn dụ ý niệm “CHÍNH TRỊ LÀ CHIẾN TRANH” trong diễn ngôn tin tức chính trị trong đó các chủ đề nổi bật là CHÍNH TRỊ LÀ XUNG ĐỘT VẬT LÝ, MANG TÍNH CHIẾN LƯỢC, và CHIẾN THẮNG QUÂN SỰ.

4.5. Đối chiếu kết quả nghiên cứu với khung lý thuyết

Khi trả lời Câu hỏi Nghiên cứu số 1, xuất hiện nhiều khó khăn do thiếu các tiêu chí rõ ràng, sự phụ thuộc vào trực giác, và các cấu trúc miền phức tạp, dẫn đến sự mơ hồ trong phân tích ẩn dụ. Để cải thiện độ tin cậy, nghiên cứu đã đưa ra các tiêu chí rõ ràng, tham vấn các chuyên gia, sử dụng phân tích theo ngữ cảnh và cấu trúc thứ bậc. Nghiên cứu đã giải quyết vấn đề về nhận diện ẩn dụ trong các từ hoặc cụm từ đơn lẻ, đề xuất các nguyên tắc như so sánh nghĩa và phân tích cấu trúc miền theo thứ bậc.

Chương 5. CÁC CẤU TRÚC Ý NIỆM TRONG ẨN DỤ Ý NIỆM “CHÍNH TRỊ LÀ CHIẾN TRANH”

5.1. Kết quả và thảo luận về các cấu trúc ý niệm của ẩn dụ tổng quát 1

***5.1.1. Kết quả về cấu trúc ý niệm của ẩn dụ tổng quát 1***

***Bảng 3.***

***Các kết quả chính của khi áp dụng MLV phân tích ẩn dụ ý niệm “SỰ THAM GIA CHÍNH TRỊ LÀ MỘT CUỘC ĐỐI ĐẦU VẬT LÝ.”***

|  |  |
| --- | --- |
| **Danh mục** | **Các khía cạnh cụ thể** |
| **Lược đồ hình ảnh** | **LỰC**: Cưỡng chế và Phản lực |
| **CÂN BẰNG**: Trạng thái cân bằng |
| **TỒN TẠI**: Loại bỏ |
| **DI CHUYỂN**: Nguồn-Đường-Mục tiêu |
| **Miền** | Sự tham gia chính trị là Sự xâm lược thể chất |
| Kết quả bầu cử là Kết quả của xung đột |
| Khó khăn chính trị là Tổn hại thể chất |
| Các hoạt động chính trị là Chiến tranh |
| Nỗ lực chính trị là Những trận chiến |
| Cách tiếp cận chính trị là tham gia vào chiến tranh |
| **Khung** | Cạnh tranh và Đấu tranh |
| Hung bạo và Đối đầu |
| Phòng thủ và Bảo vệ |
| Các bước đi về chiến lược |
| Thành công và Thất bại |
| **Không gian tinh thần** | Phân chia khu vực bầu cử một cách không công bằng là cuộc tấn công vào quyền bỏ phiếu của người dân |
| Donald Trump thực hiện các hành động phá hoại hoặc ngăn chặn việc thông qua dự luật cơ sở hạ tầng. |
| Chương trình nghị sự xã hội cấp tiến của bà Castro là một chiến trường nơi các lực lượng đối lập xung đột, gây ảnh hưởng đến các quyết định chiến lược và lập trường của bà. |
| Chính sách cứng rắn với tội phạm thể hiện bản sắc chính trị của TT Biden. |
| Phản đối các đề xuất tài trợ tài chính cho chiến dịch bầu cử và phân chia lại ủy ban bầu cử gây ra tranh cãi trong nội bộ Đảng Dân chủ |
| Đảng Dân chủ đối mặt những khó khăn và yếu kém trong hoạt động xây dựng và duy trì sự ủng hộ từ các nhóm dân chủ và các bang chiến trường. |

5.1.2. Thảo luận về cấu trúc ý niệm của ẩn dụ ý niệm tổng quát 1

5.1.2.1. LƯỢC ĐỒ HÌNH ẢNH: Cấu trúc nhận thức nền tảng cho quá trình ánh xạ SỰ THAM GIA CHÍNH TRỊ thành CUỘC ĐỐI ĐẦU VẬT LÝ

Lược đồ hình ảnh LỰC nổi lên là trung tâm của ẩn dụ “SỰ THAM GIA CHÍNH TRỊ LÀ MỘT CUỘC ĐỐI ĐẦU VẬT LÝ” trong diễn ngôn chính trị. Từ đó, định khung ý niệm chính trị như một cuộc chiến hung hãn, nơi các nhân tố cố gắng chế ngự đối thủ. Điều đó thể hiện qua các ví dụ như “chiến đấu giành quyền kiểm soát” và “cuộc đấu tranh của Đảng Dân chủ”. Ở đó minh họa hành động chính trị được ý niệm hóa như các cuộc đối đầu vật lý. Các lược đồ khác như TỒN TẠI, DI CHUYỂN, và CÂN BẰNG làm rõ hơn quá trình ý niệm hóa bằng cách khơi gợi các ý niệm về sự tồn tại, chuyển động, và sự cân bằng quyền lực.

5.1.2.2. MIỀN: Các cấu trúc tổ chức cho quá trình ánh xạ SỰ THAM GIA CHÍNH TRỊ qua CUỘC ĐỐI ĐẦU VẬT LÝ

Ẩn dụ “SỰ THAM GIA CHÍNH TRỊ LÀ MỘT CUỘC ĐỐI ĐẦU VẬT LÝ” xuất phát từ miền xung đột vật lý, được thể hiện qua các từ vị như “tấn công”, “phá hủy”, và “đấu tranh” để ý niệm hóa các hoạt động chính trị. Các miền cơ bản bắt nguồn từ trải nghiệm vật lý, như “tấn công”, để ánh xạ hoạt động chính trị. Trong khi đó, các miền trừu tượng mở rộng quá trình ánh xạ chính trị qua các xung đột quy mô rộng hơn, như “cuộc chiến chống ma túy”.

5.1.2.3. KHUNG: Các công cụ nhận thức cho các quan điểm cụ thể về cạnh tranh và đấu tranh chính trị

Ẩn dụ “SỰ THAM GIA CHÍNH TRỊ LÀ MỘT CUỘC ĐỐI ĐẦU VẬT LÝ” ý niệm hóa chính trị như một cuộc đấu tranh bằng cách sử dụng các thuật ngữ như “tấn công”, “phá hủy”, và “đấu tranh”. Nó nhấn mạnh:

*Tính cạnh tranh:* Các cụm từ như “chiến đấu giành quyền kiểm soát” miêu tả chính trị như những cuộc chiến quyết liệt để giành quyền lực và ảnh hưởng.

*Sự hung hãn:* Các hành động chính trị phản chiếu các cuộc đối đầu vật lý, phản ánh các chiến thuật quyết đoán.

*Hoạt động phòng thủ:* Chính trị được ý niệm hóa như bảo vệ nền dân chủ và lợi ích khỏi các mối đe dọa.

*Kết quả:* Kết quả chính trị được định khung như chiến thắng hoặc thất bại, định hình hướng đi của các hoạt động chính trị.

5.1.2.4. KHÔNG GIAN TINH THẦN: Làm rõ và tạo điều kiện cho quá trình ánh xạ SỰ THAM GIA CHÍNH TRỊ thành CUỘC ĐỐI ĐẦU VẬT LÝ

Trong ẩn dụ “SỰ THAM GIA CHÍNH TRỊ LÀ MỘT CUỘC ĐỐI ĐẦU VẬT LÝ”, không gian tinh thần kích hoạt các khung của sự hung hãn, phòng thủ và cạnh tranh. Các từ vị như “tấn công” và “chiến đấu” cho thấy hoạt động chính trị là sự đối kháng, với các hành động chính trị được hiểu như các động thái hung hãn chống lại các mối đe dọa. Những thất bại chính trị được ví như những thất bại quân sự. Không gian tinh thần cũng tạo điều kiện cho sự xuất hiện của các ánh xạ mới, chẳng hạn như việc ánh xạ các mối đe dọa đối với nền dân chủ như các lực lượng phá hoại.

5.2. Kết quả nghiên cứu và thảo luận cấu trúc ý niệm của ẩn dụ tổng quát 3

***5.2.1. Kết quả nghiên cứu cấu trúc ý niệm của ẩn dụ tổng quát 3***

**Bảng 4.**

***Các kết quả chính của khi áp dụng MLV phân tích ẩn dụ ý niệm “CHIẾN DỊCH BẦU CỬ LÀ CÁC CHIẾN DỊCH QUÂN SỰ”***

|  |  |
| --- | --- |
| **Danh mục** | **Các khía cạnh cụ thể** |
| **Lược đồ hình ảnh** | LỰC: Tạo điều kiện, Cản trở |
|
| DI CHUYỂN: Nguồn-đường-mục tiêu |
|
| **Miền** | Chiến dịch tranh cử là thực thi chiến lược trong chiến đấu |
| Các hoạt động chính trị là hành động quân sự/chiến lược |
| Tham vọng chính trị là mục tiêu trong quân sự |
| Chiến lược chính trị là vũ khí quân sự |
| **Khung** | Suy nghĩ chiến lược |
| Quyết định về chiến thuật |
| Trọng tâm chính trị có chủ đích |
| Vũ khí hóa các vấn đề xã hội và chính trị |
| **Không gian tinh thần** | Việc thượng nghị sĩ Mark Warner chỉ trích chiến lược được cho là cản trở việc thông qua dự luật đầu tư cơ sở hạ tầng quan trọng. |
| Đảng Cộng hòa dưới sự lãnh đạo của Mitch McConnell đã chuyển hướng chiến thuật toàn diện. |
| Chiến dịch tranh cử nhằm kết nối những cử tri Latino, qua đó nhấn mạnh tầm quan trọng của các nhóm cử tri thiểu số là hoạt động mang tính chiến lược và có chủ đích. |
| Tạo ra sự phẫn nộ xung quanh thuyết chủng tộc phê phán (CRT) để tận dụng các nỗi lo sợ tiềm tàng trong một nhóm cư dân trong xã hội là một chiến thuật. |
| Việc hạn chế quyền bầu cử không chỉ đơn thuần là một rào cản thụ động mà còn là một công cụ chủ động được sử dụng để đạt được một kết quả chính trị cụ thể. |

5.2.2. Thảo luận về cấu trúc ý niệm của ẩn dụ tổng quát 3

5.2.2.1. LƯỢC ĐỒ HÌNH ẢNH: Cấu trúc ý niệm nền tảng cho quá trình ánh xạ CHIẾN DỊCH BẦU CỬ thành CÁC CHIẾN DỊCH QUÂN SỰ

Ẩn dụ “CHIẾN DỊCH BẦU CỬ LÀ CÁC CHIẾN DỊCH QUÂN SỰ” nhấn mạnh chiến lược và mục tiêu của các chiến dịch bằng cách sử dụng hai lược đồ chính: LỰC và Nguồn-Đường-Mục tiêu.

*Lược đồ Lực:* Các chiến dịch bầu cử được ví như chiến lược quân sự, tập trung vào gây tác động lực, vượt qua các chướng ngại và kiểm soát kết quả. Các thuật ngữ như “chính trị gia được triển khai” và “chiếm quyền chỉ huy” nhấn mạnh sự tính toán và tính đối đầu của các chiến dịch.

*Lược đồ Nguồn-Đường-Mục tiêu:* Lược đồ này thể hiện các chiến dịch như những chuyển động chiến lược hướng tới mục tiêu, với các thuật ngữ như “vũ khí” và “mục tiêu” phản ánh việc lập kế hoạch và phân bổ tài nguyên một cách có chủ đích để đạt được các mục tiêu chính trị.

5.2.2.2. MIỀN: Các cấu trúc tổ chức cho việc ánh xạ CHIẾN DỊCH BẦU CỬ thành CÁC CHIẾN DỊCH QUÂN SỰ

Các ma trận và hệ thống miền phân cấp miền ánh xạ các chiến dịch bầu cử thành các chiến dịch quân sự bằng cách tổ chức các ý niệm liên quan như “triển khai”, “chỉ huy” và “chiến lược” vào các khung cấu trúc.

*Miền:* Các ma trận liên kết các hành động chính trị như “chỉ huy” và “chiến lược” với các đối tác quân sự, làm nổi bật tính chất có tổ chức và hướng tới mục tiêu của chúng.

*Hệ thống phân cấp:* Hệ thống phân cấp miền cấu trúc các miền phụ như “chia để trị”, nhấn mạnh lập kế hoạch chiến lược trong cả hai bối cảnh chính trị và quân sự.

*Lập kế hoạch chính trị:* Ẩn dụ này nhấn mạnh sự tương đồng giữa chiến lược quân sự và chính trị, với các thuật ngữ như “chiến lược từ trên xuống” phản ánh các bước đi được tính toán.

*Ánh xạ xung đột:* Các hoạt động chính trị được định khung như xung đột vật lý, giúp tăng cường hiểu biết về tính chiến lược của các chiến dịch.

5.2.2.3 KHUNG: Công cụ nhận thức cho các quan điểm cụ thể về chiến dịch bầu cử

Ẩn dụ “CHIẾN DỊCH BẦU CỬ LÀ CÁC CHIẾN DỊCH QUÂN SỰ” tập trung vào việc ra quyết định chính trị mang tính chiến lược và chiến thuật.

*Tư duy chiến lược:* Các nhân tố chính trị tham gia vào lập kế hoạch tính toán, sử dụng quyền lực, thông điệp, và các chiến lược đối phó để đạt được mục tiêu.

*Ứng biến chiến thuật:* Các chiến dịch được điều chỉnh cho phù hợp với các vấn đề gây chia rẽ, nhắm vào các khu vực cử tri mới và phản ứng với các động lực thay đổi.

*Trọng tâm có chủ đích:* Các nhóm nhân khẩu học cụ thể, như cử tri Latino hoặc cử tri da màu, được nhắm mục tiêu chiến lược thông qua các chính sách và thông điệp.

*Vũ khí hóa các vấn đề chính trị:* Các vấn đề xã hội như phân biệt chủng tộc và tội phạm được sử dụng có chủ đích để tác động đến dư luận và giành lợi thế trong bầu cử.

5.2.2.4. KHÔNG GIAN TINH THẦN: Phát triển và tạo điều kiện cho quá trình ánh xạ các CHIẾN DỊCH BẦU CỬ thành CÁC CHIẾN DỊCH QUÂN SỰ

Ẩn dụ “CHIẾN DỊCH BẦU CỬ LÀ CÁC CHIẾN DỊCH QUÂN SỰ” ánh xạ động lực chính trị thành các chiến lược quân sự, tăng cường hiểu biết về các chiến thuật bầu cử.

*Các khung ý niệm kích hoạt không gian tinh thần:* Các hành động chính trị, như việc triển khai các chính trị gia hoặc sử dụng chiến lược “chia để trị”, được định khung như những động thái chiến thuật quân sự nhằm làm suy yếu đối thủ.

*Lập chiến lược và ra quyết định chiến thuật:* Ẩn dụ này làm nổi bật sự tương đồng giữa những người lập kế hoạch chính trị và các chiến lược gia quân sự, nhấn mạnh vai trò lãnh đạo, chuyên môn và tiếp cận mục tiêu để thành công trong bầu cử.

*Hoạt động bầu cử luôn mang bản chất chiến thuật:* Các biện pháp như sử dụng chủ nghĩa phân biệt chủng tộc hoặc các hạn chế quyền bầu cử, được xem là công cụ cưỡng ép, được vũ khí hóa một cách chiến lược để tác động đến dư luận.

*Không gian tinh thần tạo điều kiện cho ẩn dụ mới xuất hiện:* Không gian tinh thần tạo điều kiện cho việc so sánh giữa các chiến lược chính trị và các chiến dịch quân sự, chẳng hạn như các chiến thuật của Đảng Cộng hòa nhắm vào cử tri Latino hoặc lan truyền thông tin sai lệch như những động thái quân sự.

5.3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận cấu trúc ý niệm của ẩn dụ tổng quát 5

5.3.1. Kết quả nghiên cứu cấu trúc ý niệm của ẩn dụ tổng quát 5

**Bảng 5.**

***Các kết quả chính của khi áp dụng MLV phân tích ẩn dụ ý niệm “THÀNH CÔNG CHÍNH TRỊ LÀ THÀNH TỰU QUÂN SỰ”***

|  |  |
| --- | --- |
| **Danh mục** | **Các khía cạnh cụ thể** |
| **Lược đồ hình ảnh** | CHUYỂN ĐỘNG: Nguồn – Đường – Mục tiêu |
|
| **Miền** | Giành lợi thế chính trị là chiến thắng một trận chiến |
| Thành công trong bầu cử là một chiến thắng quân sự |
| Từ bỏ một nỗ lực chính trị là một thất bại quân sự |
| **Khung** | Đấu tranh giành quyền cai trị |
| Thắng lợi về chính trị |
| Điều động lực lượng và bước đi chiến lược |
| Những cân nhắc về đạo đức |
| **Không gian tinh thần** | Đảng quốc gia quyết tâm giành đa số phiếu trong cuộc bầu cử |
| Những thay đổi về nhân khẩu học có lợi cho Đảng Dân chủ chưa chuyển hóa thành các thắng lợi chính trị |
| Cản trở các chính sách đưa ra bởi Tổng thống Biden là một chiến lược nhằm đạt được mục tiêu chính trị của Đảng Cộng hòa |

5.3.2. Thảo luận về cấu trúc ý niệm của ẩn dụ tổng quát 5

5.3.2.1. LƯỢC ĐỒ HÌNH ẢNH: Các cấu trúc ý niệm nền tảng cho quá trình ánh xạ THÀNH CÔNG CHÍNH TRỊ thành CHIẾN THẮNG QUÂN SỰ

Lược đồ Nguồn-Đường-Mục tiêu đóng vai trò như một nền tảng ý niệm thúc đẩy quá trình ý niệm hóa chính trị như một hành trình dẫn tới chiến thắng quân sự. Lược đồ này nhấn mạnh tính chất có chủ đích và chiến lược của các nỗ lực chính trị dẫn đến thành công. Ví dụ, ẩn dụ “chiến thắng chính trị” thể hiện một tiến trình có cấu trúc từ điểm khởi đầu (nguồn), qua hành trình đàm phán và thuyết phục (đường), đến việc thông qua một dự luật (mục tiêu). Tương tự, ẩn dụ “chiến thắng” nhấn mạnh tiến trình có tổ chức và chiến lược từ những nỗ lực ban đầu (nguồn), qua các hoạt động có chủ đích (đường), đến kết quả bầu cử thành công (mục tiêu).

*5.3.2.2 MIỀN: Cấu trúc tổ chức cho quá trình ánh xạ THÀNH CÔNG CHÍNH TRỊ thành CHIẾN THẮNG QUÂN SỰ*

Trong ẩn dụ “THÀNH CÔNG CHÍNH TRỊ LÀ CHIẾN THẮNG QUÂN SỰ”, ma trận và hệ thống phân cấp miền ý niệm cung cấp một cách hiểu thành tựu chính trị bằng cách liên hệ với các chiến thắng quân sự.

*Miền ý niệm có vai trò như các cấu trúc tổ chức:* Ma trận miền ý niệm của “chiến thắng” và “thắng lợi” thể hiện các khía cạnh khác nhau của thành công chính trị, chẳng hạn như thắng lợi bầu cử và chiến thắng chiến lược. Ví dụ, các thuật ngữ như “chiến thắng áp đảo”, và “chiến thắng vang dội” tương tự như những chiến thắng quân sự quyết định, nhấn mạnh quy mô và tầm quan trọng của các thành tựu chính trị.

Cách sắp xếp tầng bậc trong miền ý niệm:

*+ Xung đột và đấu tranh chính trị:* Xung đột và đấu tranh trong cả chiến tranh và chiến dịch chính trị đều liên quan đến sự đối lập gay gắt và các chiến thuật quyết liệt.

*+ Chiến lược và lập kế hoạch chính trị:* Cũng giống như trong chiến tranh, lập kế hoạch chiến lược chi tiết là yếu tố quan trọng trong các chiến dịch chính trị để đạt được chiến thắng.

*+ Thắng lợi và thất bại chính trị:* Chiến thắng và thất bại là các chủ đề trung tâm trong cả hai miền, với thành công là mục tiêu cuối cùng và tránh thất bại là điều thiết yếu.

*+ Liên minh chính trị:* Các liên minh và liên kết trong chính trị tương đồng với các liên minh quân sự, cả hai đều quan trọng để đạt được thành công.

*+ Sự kiên trì trong chính trị:* Vượt qua những thách thức và kiên trì là yếu tố quan trọng trong cả hai bối cảnh chính trị và quân sự, nơi sự hy sinh là cần thiết để đạt được thành công cuối cùng.

*Ánh xạ các hoạt động chính trị thành xung đột vật lý:* các thành tựu chính trị được ánh xạ như những chiến thắng quân sự, nâng cao sự hiểu biết về động lực bầu cử thông qua các chủ đề xung đột, chiến lược và chiến thắng.

*5.3.2.3. KHUNG: Công cụ nhận thức cho các quan điểm cụ thể về thành công chính trị*

Ẩn dụ “THÀNH CÔNG CHÍNH TRỊ LÀ CHIẾN THẮNG QUÂN SỰ” nhấn mạnh sự tương đồng giữa các chiến thắng chính trị và quân sự, tập trung vào cạnh tranh, chiến lược và đạo đức.

*Khung ý niệm về cuộc đấu tranh giành quyền thống trị:* Các khung này nhấn mạnh tính cạnh tranh của chính trị, nơi các phe phái và đảng phái chính trị được mô tả như những lực lượng đối lập tranh giành quyền kiểm soát.

*Khung ý niệm về thắng lợi chính trị:* Các khung này mô tả thành công chính trị như những cột mốc quan trọng báo hiệu quyền lực và ảnh hưởng.

*Khung ý niệm về điều động và chiến lược:* Các khung này nhấn mạnh tầm quan trọng của lập kế hoạch chiến lược và điều động để đạt được thành công chính trị.

*Khung ý niệm về những lưu ý đạo đức:* Các khung này đề cập đến các khía cạnh đạo đức của các chiến lược chính trị, nhấn mạnh tầm quan trọng của đảm bảo hoạt động chính trị phù hợp với các nguyên tắc dân chủ và sự liêm chính.

*5.3.2.4. KHÔNG GIAN TINH THẦN: Phát triển và tạo điều kiện cho việc ánh xạ THÀNH CÔNG CHÍNH TRỊ thành CHIẾN THẮNG QUÂN SỰ*

Ẩn dụ “THÀNH CÔNG CHÍNH TRỊ LÀ CHIẾN THẮNG QUÂN SỰ” kích hoạt các không gian tinh thần xung quanh các chiến lược chính trị, cạnh tranh và xây dựng liên minh, cho phép các yếu tố chính trị này được ý niệm hóa như các chiến dịch quân sự.

*Không gian tinh thần thúc đẩy quá trình ánh xạ:* Quá trình ánh xạ từ thành công chính trị đến thành tựu quân sự liên quan đến việc kích hoạt các không gian tinh thần liên quan tới cạnh tranh, chiến thắng, xây dựng liên minh và điều động chiến lược.

*Cạnh tranh và thắng lợi trong các cuộc bầu cử:* Các không gian tinh thần liên quan đến cạnh tranh và chiến thắng ý niệm hóa các cuộc bầu cử như những trận chiến chiến lược, nơi các ứng cử viên và đảng phái sử dụng chiến thuật để đảm bảo chiến thắng, giống như trong các chiến dịch quân sự.

*+ Xây dựng liên minh:* Các không gian tin thần liên quan đến xây dựng liên minh góp phần vào việc ánh xạ ẩn dụ bằng cách nhấn mạnh tầm quan trọng của việc hình thành liên minh và điều chỉnh chiến lược theo những thay đổi trong bối cảnh chính trị.

*Không gian tinh thần tạo điều kiện cho các ánh xạ ẩn dụ mới*

Ẩn dụ “THÀNH CÔNG CHÍNH TRỊ LÀ CHIẾN THẮNG QUÂN SỰ” tạo điều kiện cho các ánh xạ khái niệm mới làm phong phú sự hiểu biết về các chiến lược chính trị bằng cách áp dụng logic quân sự.

*Chiều sâu chiến lược trong các hành động chính trị:* Bằng cách ý niệm hóa các hoạt động chính trị như những bước đi chiến lược quân sự, ẩn dụ này khuyến khích việc nhìn nhận các động thái chính trị thông qua lăng kính của kế hoạch quân sự, bao gồm phân bổ nguồn lực, thời gian và quản lý nhận thức của công chúng.

5.4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận cấu trúc ý niệm của ẩn dụ tổng quát 8

5.4.1. Kết quả nghiên cứu cấu trúc ý niệm của ẩn dụ tổng quát 8

**Bảng 6**

***Các kết quả chính của khi áp dụng MLV phân tích ẩn dụ ý niệm “NHỮNG NGƯỜI ỦNG HỘ CHÍNH TRỊ LÀ CÁC TỔ CHỨC QUÂN SỰ”***

|  |  |
| --- | --- |
| **Danh mục** | **Các khía cạnh cụ thể** |
| **Lược đồ hình ảnh** | CHỨA ĐỰNG: vật chứa |
| KHÔNG GIAN: Trung tâm-ngoại vi |
| **Miền** | Các nhóm chính trị là các đơn vị quân đội |
| Mối quan hệ chính trị là liên minh quân sự |
| **Khung** | Ảnh hưởng và quyền lực của các nhóm chính trị trong việc ra quyết định |
| Ảnh hưởng và quyền lực của các nhóm chính trị trong việc thông qua chương trình nghị sự lập pháp |
| Ảnh hưởng và quyền lực của các nhóm chính trị trong việc lật ngược kết quả chính trị |
| **Không gian tinh thần** | Tổng thống Biden và những người ủng hộ các chính sách cấp tiến của ông có thể cùng làm việc để thúc đẩy các mục tiêu chung. |
| Một nhóm cá nhân có thể hợp tác với Turner theo nhiều cách khác nhau. |
| Trong khi các nhóm nghị sĩ truyền thống thường ủng hộ các đương nhiệm và đồng minh, có dấu hiệu cho thấy khả năng chuyển hướng sang đón nhận những tiếng nói và cách tiếp cận mới. |

5.4.2. Thảo luận về cấu trúc ý niệm của ẩn dụ tổng quát 8

5.4.2.1. LƯỢC ĐỒ HÌNH ẢNH: Cấu trúc nhận thức nền tảng để ánh xạ NHỮNG NGƯỜI ỦNG HỘ CHÍNH TRỊ thành CÁC ĐƠN VỊ QUÂN ĐỘI.

Ẩn dụ “NHỮNG NGƯỜI ỦNG HỘ CHÍNH TRỊ LÀ CÁC ĐƠN VỊ QUÂN ĐỘI” sử dụng lược đồ hình ảnh CHỨA ĐỰNG và TRUNG TÂM-NGOẠI VI để ý niệm hóa mối quan hệ giữa những người ủng hộ chính trị và các thực thể chính trị.

*Lược đồ hình ảnh CHỨA ĐỰNG:* Lược đồ CHỨA ĐỰNG nhấn mạnh cách những người ủng hộ chính trị được ý niệm hóa như bị bao quanh bởi một chiến dịch hoặc đảng phái chính trị, tương tự như cách các đơn vị quân đội được tổ chức.

*Lược đồ hình ảnh TRUNG TÂM-NGOẠI VI:* Việc sử dụng từ tố “đội quân” khơi gợi lược đồ TRUNG TÂM-NGOẠI VI, trong đó những người ủng hộ chính trị đóng vai trò trung tâm và quan trọng trong chiến dịch.

*Lược đồ hình ảnh Nguồn-Đường-Mục tiêu:* Việc sử dụng ẩn dụ “đồng minh” trong bối cảnh chính trị cũng có thể bao gồm lược đồ Nguồn-Đường-Mục tiêu.

5.4.2.2. MIỀN: Cấu trúc tổ chức cho việc ánh xạ NHỮNG NGƯỜI ỦNG HỘ CHÍNH TRỊ thành CÁC ĐƠN VỊ QUÂN ĐỘI

Khung ẩn dụ “NHỮNG NGƯỜI ỦNG HỘ CHÍNH TRỊ LÀ CÁC ĐƠN VỊ QUÂN ĐỘI” sử dụng các miền như “đội quân” và “đồng minh” để thiết lập và tổ chức mối quan hệ giữa những người ủng hộ chính trị và các thực thể chính trị, tạo sự tương đồng với các đơn vị quân đội và liên minh quân sự.

Miền với vai trò cấu trúc tổ chức: Ẩn dụ “đội quân” nhấn mạnh các vai trò chuyên biệt trong các tổ chức chính trị, tương tự như các đơn vị quân đội. Mỗi “đội quân” trong một tổ chức chính trị, giữ vai trò tăng cường hiệu quả chung của tổ chức, giống như các đơn vị quân đội khác nhau hỗ trợ nhiệm vụ tổng thể.

*Tính phân tầng của các miền:* Ẩn dụ “đội quân” được tổ chức theo thứ bậc để làm nổi bật các vai trò chuyên biệt trong một tổ chức chính trị, giống như các đơn vị khác nhau trong cấu trúc quân đội. Ẩn dụ “đồng minh” được tổ chức xung quanh khái niệm liên minh quân sự, nhấn mạnh các mối quan hệ hỗ trợ trong chính trị.

*Ánh xạ những người ủng hộ chính trị thành các đơn vị quân đội:* Các miền “đội quân” và “đồng minh” tạo điều kiện cho việc ý niệm hóa những người ủng hộ chính trị như các đơn vị quân đội hoặc đồng minh.

5.4.2.3. KHUNG: Các công cụ nhận thức cho các quan điểm cụ thể về liên minh chính trị

Ẩn dụ “SỰ THAM GIA CHÍNH TRỊ LÀ HỖ TRỢ QUÂN SỰ” và “MỐI QUAN HỆ CHÍNH TRỊ LÀ LIÊN MINH QUÂN SỰ” trợ giúp việc ánh xạ ảnh hưởng chính trị, sự hợp tác, và điều động chiến lược bằng cách tạo ra sự tương đồng với các hành động quân sự.

*Khung ý niệm nhấn mạnh ảnh hưởng và quyền lực:*

*+ Hành động chiến lược là công cụ:* Trong ẩn dụ “SỰ THAM GIA CHÍNH TRỊ LÀ HỖ TRỢ QUÂN SỰ,” các khung ý niệm làm nổi bật sức ảnh hưởng và quyền lực mà các nhóm hoặc thực thể chính trị cụ thể có được các quyết định và kết quả chính trị.

*Các thực thể trong bầu cử:* Các khung ý niệm cũng nhấn mạnh vai trò quan trọng của các thực thể chiến lược và tổ chức trong các đảng phái chính trị trong các cuộc bầu cử.

*Khung nhấn mạnh liên minh và hợp tác:*

*+ Liên minh chính trị là đối tác quân sự:* Trong ẩn dụ “MỐI QUAN HỆ CHÍNH TRỊ LÀ LIÊN MINH QUÂN SỰ,” các khung ý niệm thể hiện liên minh và quan hệ đối tác đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy chương trình nghị sự chính trị và đạt được thắng lợi.

*+ Liên minh và sự ủng hộ:* Các khung ý niệm cũng cho thấy rằng các liên minh và sự ủng hộ có ảnh hưởng là điều cốt yếu để thúc đẩy các chương trình nghị sự chính trị cụ thể.

5.4.2.4. KHÔNG GIAN TINH THẦN: Phát triển và tạo điều kiện cho việc ánh xạ NHỮNG NGƯỜI ỦNG HỘ CHÍNH TRỊ thành CÁC ĐƠN VỊ QUÂN ĐỘI

*Thúc đẩy quá trình ánh xạ*

Ẩn dụ “NHỮNG NGƯỜI ỦNG HỘ CHÍNH TRỊ LÀ CÁC ĐƠN VỊ QUÂN ĐỘI” tạo ra các không gian tinh thần thúc đẩy quá trình tri nhận về mối quan hệ chính trị thông qua lăng kính của các chiến dịch quân sự.

*Sự tham gia chính trị là hỗ trợ quân sự:* Không gian tinh thần nhấn mạnh ảnh hưởng và quyền lực chiến lược của các thực thể chính trị, ý niệm hóa chúng như các cấu trúc tổ chức, phân cấp tương tự như các đơn vị quân đội.

*+ Mối quan hệ chính trị là liên minh quân sự:* Trong không gian tâm tinh thần này, các mối quan hệ chính trị được ý niệm như các liên minh, tương tự như các quan hệ đối tác quân sự được hình thành để đạt được các mục tiêu chung.

*Thúc đẩy cho các ánh xạ ẩn dụ mới*

Các không gian tinh thần bắt nguồn từ ẩn dụ “NHỮNG NGƯỜI ỦNG HỘ CHÍNH TRỊ LÀ CÁC ĐƠN VỊ QUÂN ĐỘI” thúc đẩy sự xuất hiện của các ẩn dụ mới làm phong phú thêm sự hiểu biết của chúng ta về động lực chính trị.

*Hỗ trợ và phối hợp chiến lược:* Việc ý niệm hóa các thực thể chính trị như nhóm nghị sĩ da màu (Black caucus) thành các nhóm có ảnh hưởng và tổ chức chiến lược dựa trên sự tương đồng với các đơn vị quân đội phối hợp các nỗ lực nhằm hỗ trợ các nhiệm vụ lớn hơn.

*Liên minh hợp tác:* Trong không gian tinh thần “MỐI QUAN HỆ CHÍNH TRỊ LÀ LIÊN MINH QUÂN SỰ”, sự nhấn mạnh vào việc tham gia tập thể và hợp tác giữa các thực thể chính trị và những người ủng hộ của họ tương đồng với động lực của các liên minh quân sự.

5.5. Thảo luận về câu hỏi nghiên cứu: Ẩn dụ ý niệm “CHÍNH TRỊ LÀ CHIẾN TRANH” được cấu trúc ý niệm như thế nào?

5.5.1. Đối chiếu với câu hỏi nghiên cứu

Phân tích dưới góc nhìn đa tầng cho thấy cách hiểu của chúng ta về chính trị bị ảnh hưởng sâu sắc bởi ẩn dụ chiến tranh. Từ đó cung cấp thêm những hiểu biết về cách các động lực chính trị được ý niệm niệm hóa.

*LƯỢC ĐỒ HÌNH ẢNH - Các cấu trúc nhận thức nền tảng:* Lược đồ hình ảnh cung cấp các khung nhận thức cơ bản để ánh xạ các yếu tố của chiến tranh lên sự tham gia chính trị.

*MIỀN - Các cấu trúc tổ chức:*Các miền đóng vai trò như các cấu trúc tổ chức, ánh xạ các yếu tố của chiến tranh vào các bối cảnh chính trị.

*KHUNG - Các công cụ nhận thức để ý niệm hóa:* Khung cung cấp các quan điểm cụ thể về việc tham gia hoạt động chính trị trong ẩn dụ “CHÍNH TRỊ LÀ CHIẾN TRANH.”

*KHÔNG GIAN TINH THẦN - Phát triển và tạo điều kiện cho quá trình ánh xạ:* Không gian tinh thần thể hiện việc sử dụng cụ thể ẩn dụ “CHÍNH TRỊ LÀ CHIẾN TRANH” bằng cách tạo điều kiện cho quá trình ánh xạ.

5.5.2. Đối chiếu kết quả nghiên cứu với khung lý thuyết và khung phân tích

5.5.2.1. Khung lý thuyết

*Sự tương đồng với khung lý thuyết*

Phân tích Phân tích Ẩn dụ Đa Tầng (MLV) về ẩn dụ “CHÍNH TRỊ LÀ CHIẾN TRANH” ủng hộ quan điểm của ngôn ngữ học tri nhận rằng các ẩn dụ hình thành sự hiểu biết của chúng ta về các khái niệm trừu tượng như chính trị bằng cách dựa trên các trải nghiệm vật lý và mở rộng chúng thành các biểu trưng ý niệm phức tạp hơn.

*Đóng góp cho lý thuyết*

Phân tích MLV làm phong phú sự hiểu biết về tư duy ẩn dụ, nhấn mạnh chiều sâu và sự phức tạp của cách các ẩn dụ định hình nhận thức của chúng ta.

5.5.5.2 Khung phân tích

Phương pháp này xây dựng cấu trúc ý niệm từ mức cơ bản (lược đồ hình ảnh) đến các tầng phức tạp hơn (không gian tâm trí), qua đó đã mang lại sự kiểm chứng toàn diện với các cấp

độ nhận thức khác nhau và hình thành sự hiểu biết tổng thể về ẩn dụ.

Phương pháp này đảm bảo sự hiểu biết toàn diện về ẩn dụ và nhấn mạnh tính mạnh mẽ của khung phân tích MLV.

Việc áp dụng phân tích ở các tầng ý niệm đảm bảo rằng mỗi cấp độ nhận thức được giải quyết kỹ lưỡng, từ đó làm rõ chiều sâu, sự phức tạp của cấu trúc ý niệm.

*5.5.2.3 Hạn chế*

Mặc dù phân tích MLV cần thiết phải có các hướng dẫn rõ ràng hơn cho từng lớp phân tích. Việc phát triển các bước phân tích chi tiết hơn cho mỗi cấp độ nhận thức - lược đồ hình ảnh, miền, khung, và không gian tâm trí - sẽ nâng cao độ chính xác cho nghiên cứu.

**Chapter 6. ĐỊNH KHUNG CÁC SỰ KIỆN CHÍNH TRỊ**

**QUA LĂNG KÍNH Ý NIỆM VỀ CHIẾN TRANH**

6.1. Nền tảng ý thức hệ cho việc định khung các ẩn dụ Chiến tranh trong diễn ngôn chính trị

Phần này tìm hiểu cách thức các ý thức hệ như bảo vệ dân chủ, trách nhiệm chính trị, và công bằng xã hội giữ vai trò nền tảng cho việc sử dụng các ẩn dụ chiến tranh trong diễn ngôn chính trị, qua đó định khung các hoạt động chính trị như những trận chiến được tính toán và mang tính chiến lược.

6.1.1. Ẩn dụ Chiến tranh: Công cụ hữu ích để định khung các ý thức hệ về việc bảo vệ dân chủ

Ẩn dụ về chiến tranh làm nổi bật tính chất đối kháng trong xung đột về chính trị, vì vậy chúng là công cụ hữu hiệu để phản ánh các cuộc đấu tranh để bảo vệ nền dân chủ. Trong phạm vi ẩn dụ này, tình trạng của nền dân chủ được ánh xạ thông qua ý niệm “bị tấn công,” hoặc trong “trận chiến” hay “chiến tranh”. Các chiến thuật đàn áp cử tri mô tả qua các ẩn dụ “mục tiêu” và “vũ khí,” để nhấn mạnh các toan tính có chủ đích nhằm kiểm soát cơ cấu nhân khẩu cử tri.

6.1.2. Ẩn dụ Chiến tranh: Công cụ hữu ích để định khung các ý thức hệ về trách nhiệm chính trị

Nhờ vào ngôn từ mang tính đối kháng, ẩn dụ chiến tranh làm nổi bật trách nhiệm và công bằng chính trị. Ví dụ như ẩn dụ “tấn công” định khung nguy cơ sai lệch thông tin trong bầu cử như những mối đe dọa với tính liêm chính của bầu cử. Hay thông qua sử dụng ẩn dụ “đồng minh” để nhấn mạnh tầm quan trọng chiến lược của liên minh chính trị. Những liên minh này có tính chất như nhưng liên minh quân sự. Ẩn dụ “đội quân” hay “lực lượng” làm nổi bật tính tổ chức và chiến lược hoạt động chính trị, tương tự như các hoạt động quân sự, với thành công cuối cùng được quyết định bởi sự lãnh đạo mạnh mẽ, liên minh hiệu quả, và thông tin rõ ràng.

6.1.3. Ẩn dụ Chiến tranh: Công cụ hữu ích để định khung các ý thức hệ về chiến lược chính trị

Các ẩn dụ về chiến tranh làm nổi bật đặc tính đối kháng và chiến lược của chính trị thông qua lăng kính của các chiến dịch quân sự. Ví dụ, ẩn dụ “giết” phản ánh mức độ khốc liệt của các cuộc đấu tranh quyền lực nội bộ trong các đảng phái. Trong khi đó ẩn dụ “thắng lợi” hay “chiến thắng” nhấn mạnh tới sự đối kháng về hệ tư tưởng tồn tại trong một đảng chính trị

6.1.4. Ẩn dụ Chiến tranh: Công cụ hữu ích để định khung các ý thức hệ về tính cạnh tranh và chia rẽ trong chính trị

Bằng cách so sánh chính trị như một chiến trường, những ẩn dụ này nhấn mạnh sự tầm quan trọng của sự kiên trì, lập kế hoạch và tư duy chiến thuật để thành công. Ẩn dụ về “sẵn sàng cho trận chiến” miêu tả những thách thức chính trị cả bên trong lẫn bên ngoài, nhấn mạnh cách mà các lực lượng đối đầu định hình các chương trình lập pháp và kết quả bầu cử. Tương tự, ẩn dụ “thất bại” làm nổi bật tính chất thắng-thua trong các cuộc tranh giành quyền lực chính trị. Vai trò của các chiến lược gia và khái niệm “chiến lược” càng nhấn mạnh tầm quan trọng của việc lập kế hoạch cẩn thận và chuyên môn chiến thuật trong việc điều hướng bối cảnh chính trị, tương tự như các chỉ huy quân sự.

6.1.5. Ẩn dụ chiến tranh: Công cụ hữu ích để định khung các hệ tư tưởng về bình đẳng chủng tộc và công bằng xã hội

Ẩn dụ chiến tranh hiệu quả trong việc định khung cuộc chiến vì bình đẳng chủng tộc và công bằng xã hội bằng cách nhấn mạnh sự kiên trì, quyết tâm và chiến thuật cần thiết để giải quyết các thách thức. Những cụm từ như “sẵn sàng cho những cuộc chiến đó” làm nổi bật cuộc đấu tranh liên tục và quyết tâm cần thiết trong hoạt động chính trị. Sự nỗ lực của các nhà hoạt động định khung như “tham gia vào các cuộc chiến”. Những ẩn dụ như “mục tiêu” và “vũ khí” định khung các vấn đề về chủng tộc bị lợi dụng để khai thác các chia rẽ xã hội, tương tự như các chiến thuật chiến tranh được sử dụng để duy trì sự cân bằng quyền lực.

6.1.6. War Metaphors: Công cụ hữu ích để định khung các hệ tư tưởng về cộng đồng và xã hội

Ẩn dụ chiến tranh là công cụ hiệu quả định khung tư tưởng về cộng đồng và xã hội bằng cách nhấn mạnh chiến lược của các chiến dịch chính trị nhắm tới các hoạt động cộng đồng và an sinh xã hội. Những thuật ngữ như “cuộc chiến” cho thấy các đảng cạnh tranh khốc liệt để thu hút cử tri bằng các hoạt động cộng đồng và an sinh xã hội.Trong khi những ẩn dụ như “đồng minh,” “vũ trang,” và “lực lượng” nhấn mạnh tầm quan trọng của việc xây dựng liên minh và vận động tranh cử.

6.2. Mối quan hệ quyền thế trong ẩn dụ “CHÍNH TRỊ LÀ CHIẾN TRANH”: Cơ sở để giải thích việc định khung ẩn dụ chiến tranh trong diễn ngôn chính trị

Phần này của nghiên cứu chỉ ra các mối quan hệ quyền thế thể hiện trong ẩn dụ “CHÍNH TRỊ LÀ CHIẾN TRANH”, từ đó làm sáng tỏ cách sử dụng ẩn dụ chiến tranh để định khung các sự kiện chính trị.

6.2.1. Những điểm tương đồng giữa bản chất đối kháng của kiểm soát thông tin và truyền thông trong chính trị và ý niệm về chiến tranh

6.2.1.1. Bối cảnh lịch sử của việc định khung bản chất đối kháng của kiểm soát thông tin và kiểm soát truyền thông chính trị thành các khái niệm chiến tranh

Những sự kiện chính trị và truyền thông trong lịch sử đã hình thành việc sử dụng ẩn dụ chiến tranh trong diễn ngôn chính trị hiện đại. Các cuộc đấu tranh quyền lực giữa các liên minh từ thời Cộng hòa La Mã (Taylor, 2023; Pfeijffer & Enenkel, 2004) cho đến xung đột truyền thông ngày nay (Mazzoleni, 2000; Jameson & Entman, 2004) từ lâu đã được miêu tả như những trận chiến. Sự chia rẽ chủng tộc và xã hội cũng từ thời đạo luật Jim Crow cho đến ngày nay (Domke, 2001; Smith, 2023; Messanga & Nzekaih, 2021), vẫn được sử dụng như một công cụ để đạt được mục đích chính trị. Những điều này giải thích cho việc ẩn dụ chiến tranh tiếp tục được sử dụng để định khung khung các cuộc chiến chính trị.

6.2.1.2. Những điểm tương đồng giữa bản chất đối kháng của kiểm soát thông tin và truyền thông trong chính trị và ý niệm về chiến tranh

Ẩn dụ chiến tranh mang lại hiệu quả trong việc định khung các sự kiện chính trị bằng cách nhấn mạnh bản chất đối kháng trong hoạt động kiểm soát truyền thông và thông tin. Các chiến lược này bao gồm việc lợi sự chia rẽ chủng tộc và xã hội, sử dụng ngôn ngữ như vũ khí chính trị. Internet và mạng xã hội đã làm những trận chiến này thêm phức tạp. Việc tổng thống Biden so sánh sự đàn áp quyền bỏ phiếu như một “cuộc tấn công” vào nền dân chủ và chiến thuật “đốt cháy” của Trump làm nổi bật việc sử dụng ẩn dụ chiến tranh để nhấn mạnh các hành động chính trị chiến lược.

6.2.2. Những nét tương đồng giữa bản chất đối kháng của các lực lượng xã hội và chủng tộc với ý niệm về chiến tranh

6.2.2.1. Bối cảnh lịch sử của việc định khung các lực lượng xã hội và chủng tộc thành các khái niệm chiến tranh

Các sự kiện lịch sử về phong trào bình đẳng xã hội và chủng tộc thường được định khung thông qua ẩn dụ chiến tranh. Trong phong trào Dân quyền (những năm 1950-1960) một số thuật ngữ chiến thuật quân sự như “cuộc chiến giành quyền bình đẳng” đã được sử dụng để nhấn mạnh cuộc đấu tranh vì công lý (Tofiño, 2024; McAdam, 1996). Các hành động áp bức, như luật Jim Crow nhằm tước bỏ quyền bỏ phiếu của người da màu, đã được định khung như một “cuộc tấn công” vào nền dân chủ (Daniels, 2020; Kohler-Hausmann, 2021). Ẩn dụ “đánh bại” được sử dụng để chỉ thành tựu trong việc tăng tỷ lệ tham gia bỏ phiếu của người da màu với đạo luật Quyền Bầu cử năm 1965. Tương tự, các nhà hoạt động trong phong trào Chống Phân biệt chủng tộc (1948-1994) cũng sử dụng ẩn dụ chiến tranh, các liên minh chiến lược và các biện pháp trừng phạt kinh tế để chống lại các chính sách phân biệt chủng tộc của Nam Phi (Bolsmann, 2007; Lubotzky & Arieli, 2021).

6.2.2.2. Những nét tương đồng giữa bản chất đối kháng của các lực lượng xã hội và chủng tộc với ý niệm về chiến tranh

Các lực lượng xã hội và chủng tộc thường được định khung qua ẩn dụ ý niệm do sự tương đồng về bản chất đối kháng giữa các nhóm. Các chiến dịch tranh cử với mục đích thu hút cử chi từ các nhóm thiểu số trong xã hội được định khung như những “trận chiến”. Việc sử dụng ẩn dụ “tấn công vào nền dân chủ” cho thấy sự áp bức trong xã hội được nhìn nhận như những kẻ thù đã ăn sâu cắm rễ trong xã hội. Các xung đột trong xã hội được các chính trị gia sử dụng như một chiến thuật chính trị, điều này thể hiện qua cách Nixon sử dụng ẩn dụ “cuộc chiến chống lại ma túy” để nhắm tới cộng đồng người gia màu.

6.2.3. Những nét tương đồng về bản chất đối kháng của cạnh tranh chính trị vì quyền lực và ý niệm về chiến tranh

6.2.3.1. Bối cảnh lịch sử của việc định khung cạnh tranh chính trị vì quyền lực thành ý niệm chiến tranh

Các ẩn dụ về chiến tranh từ lâu đã định hình các cuộc đấu tranh quyền lực chính trị, đặc biệt là trong xung đột đảng phái. Trong Phong trào Dân quyền, các cuộc đấu tranh cho bình đẳng chủng tộc và đấu tranh phản kháng chủ nghĩa phân biệt chủng tộc định khung như là các cuộc đấu tranh quân sự, đẩy đảng Dân chủ sang cánh tả và đảng Cộng hòa sang cánh hữu (McAdam, 2015; Tofiño, 2024). “Chiến lược miền Nam” của Đảng Cộng hòa đã sử dụng căng thẳng chủng tộc như một “cuộc tấn công” vào quyền công dân (Maxwell & Shields, 2019; Black, 2021). Vụ bê bối Watergate được coi là một “trận chiến” nhằm khôi phục nền dân chủ, trong đó Nixon sử dụng biện pháp gây hấn để duy trì quyền lực (Liebovich, 2003; Arnold & Roos, 1974). Tương tự, cuộc Chiến tranh Việt Nam đã bộc lộ sự chia rẽ sâu sắc trong Đảng Dân chủ, sự chia rẽ này vẫn còn rõ ràng cho đến ngày nay (Wells & Gitlin, 1994; Noel, 2016).

6.2.3.2. Những nét tương đồng về bản chất đối kháng của cạnh tranh chính trị vì quyền lực và ý niệm về chiến tranh

Các ẩn dụ chiến tranh ghi lại một cách sinh động cuộc đấu tranh quyết liệt để giành kiểm soát và ảnh hưởng trong chính trị. Ví dụ như ẩn dụ “cuộc tấn công thận trọng” phác họa tính khốc liệt khi các bên sử dụng chiến thuật hung hãn để giành lợi thế chính trị. Ẩn dụ “tấn công” phản ánh nỗ lực của Đảng Cộng hòa nhằm giành lại ảnh hưởng trong Quốc hội, trong khi ẩn dụ “mục tiêu” cho thấy các nhóm cử tri thiểu số luông là mục tiêu nhắm tới của các đảng để gia tăng lợi thế chính trị. An dụ về “vũ khí” nhấn mạnh cách dư luận bị thao túng. Xung đột nội bộ đảng cũng được định khung dưới góc nhìn về chiến tranh, với các ẩn dụ như “chiến thắng” và “thắng lợi” phản ánh các cuộc đấu tranh quyền lực trong Đảng Dân chủ. (Maxwell & Shields, 2019; Liebovich, 2003).

6.2.4. Những nét tương đồng giữa bản chất đối kháng của hoạt động lập kế hoạch trong chính trị và ý niệm chiến tranh

6.2.4.1. Bối cảnh lịch sử cho việc định khung lập kế hoạch chiến thuật và chiến dịch qua lăng kính chiến tranh

Đạo luật Dân quyền năm 1964 là minh chứng cho những “trận chiến” lập pháp căng thẳng trong đó hoạch định chiến lược và xây dựng liên minh là chìa khóa để vượt qua sự đối kháng (Purdum, 2014; Loevy, 1990). Để thông qua đạo luật này, tổng thống Johnson đã sử dụng nhiều chiến lược phức tạp nhằm định hướng Quốc hội thông qua các đạo luật này (Rodriguez & Weingast, 2003). Các ẩn dụ quân sự, như “chiến đấu”, nêu bật bản chất đối kháng trong việc thông qua các đạo luật và chính sách. Cho tới những năm gần đây, Obama đã sử dụng một loạt các chiến lược dựa trên dữ liệu năm 2008 nhắm vào các nhóm nhân khẩu học quan trọng để giành tối đa số phiếu bầu (Smith, 2018).

6.2.4.2. Những nét tương đồng giữa bản chất đối kháng của hoạt động lập kế hoạch trong chính trị và ý niệm chiến tranh

Ẩn dụ chiến tranh trong chính trị làm nổi mối quan hệ quyền thế trong hoạch định chiến lược, đặc biệt là trong các chiến dịch lập pháp. Ví dụ, việc Tổng thống Biden thúc đẩy dự luật cơ sở hạ tầng định khung như là một trận chiến, phản ánh sự căng thẳng trong đàm phán chính trị. Tương tự, các chiến dịch sử dụng các chiến lược giống như chiến tranh, nhắm vào các nhóm cử tri thiểu số để giành lợi thế. Các liên minh chính trị được ví như quan hệ đối tác thời chiến, chẳng hạn như giữa bà Essaibi George và cựu Thị trưởng Walsh. Những ẩn dụ này cũng tiết lộ những cuộc đấu tranh nội bộ trong đảng, với các phe phái tranh giành quyền lực. Các thuật ngữ như “tác dụng ngược” nhấn mạnh rủi ro của các chiến lược kém hiệu quả.

6.3. Thảo luận về các phát hiện cho câu hỏi nghiên cứu: “Tại sao các khái niệm ẩn dụ của “WAR” lại được sử dụng để định các sự kiện và vấn đề chính trị?”

6.3.1. Đối chiếu kết quả với câu hỏi nghiên cứu

Nghiên cứu này cho thấy việc sử dụng ẩn dụ chiến tranh góp phần thể hiện các hệ tư tưởng về quyền thế và chính trị. Chính trị được định khung như một trận chiến, nơi mà việc kiểm soát thông tin và truyền thông là rất quan trọng. Các phong trào bình đẳng xã hội được định khung như những trận chiến, nơi mà đòi hỏi nỗ lực liên tục để chống lại sự đàn áp. Ẩn dụ ý niệm chiến tranh cũng làm nổi bật các cuộc xung đột về chính trị, phản ánh tính cạnh tranh và khốc liệt, mà ở đỏ thắng lợi bên này đồng nghĩa thất bại bên còn lại. Về mặt ý thức hệ, những ẩn dụ này nhấn mạnh đến việc bảo vệ nền dân chủ, bình đẳng chủng tộc và tính liêm chính trong bầu cử, phản ánh tính nghiêm túc và chiến lược liên quan đến các mối quan hệ và chiến dịch chính trị.

6.3.2. Đối chiếu kết quả nghiên cứu với khung lý thuyết và khung phân tích

6.3.2.1. Đối chiếu với khung lý thuyết

Nghiên cứu này tìm hiểu ẩn dụ “CHÍNH TRỊ LÀ CHIẾN TRANH” nhằm khám phá các mối quan hệ quyền lực và hệ tư tưởng trong diễn ngôn chính trị. Nghiên cứu nêu bật bản chất đối nghịch và chiến lược của chính trị, cho thấy ẩn dụ đóng vai trò như công cụ để củng cố quyền lực và tranh đấu. Không giống như các nghiên cứu của Lakoff và cộng sự coi ẩn dụ là công cụ nhận thức, nghiên cứu này phân tích mối quan hệ quyền thế, hệ tư tưởng. Từ đó thấy được cơ sở để ẩn dụ định khung chính trị.. Nghiên cứu này liên kết các ẩn dụ chiến tranh với các chủ đề như dân chủ, trách nhiệm chính trị và công bằng xã hội, coi chúng là những nỗ lực chiến lược để bảo vệ những giá trị này.

6.3.2.2. Đối chiếu với khung phân tích

Nghiên cứu nhấn mạnh sự kết hợp mạnh mẽ giữa Chế độ xem đa cấp độ (MLV) và Phân tích ẩn dụ phê bình (CMA) để kiểm tra phép ẩn dụ “CHÍNH TRỰC LÀ CHIẾN TRANH”. Khung phân tích này cung cấp một phương pháp luận rõ ràng để xác định và giải thích các ẩn dụ, có thể áp dụng cho các bối cảnh chính trị khác nhau. Ngoài ra, việc tập trung vào các mối quan hệ quyền lực và hệ tư tưởng của khuôn khổ này giúp hiểu chi tiết về cách các chủ thể chính trị sử dụng phép ẩn dụ để điều hướng một cách chiến lược các động lực quyền lực và đạt được mục tiêu của họ.

Chapter 7. KẾT LUẬN

**7.1. Tóm tắt**

Nghiên cứu này khám phá ẩn dụ *“CHÍNH CHÍNH LÀ CHIẾN TRANH”* trong diễn ngôn chính trị tin tức của của Mỹ, tập trung vào tìm hiểu cách các nhà báo sử dụng ẩn dụ chiến tranh để định khung các sự kiện. Nghiên cứu này xem xét các tiểu miền phổ biến, cấu trúc ý niệm và lý do ẩn dụ chiến tranh được sử dụng để định khung trong chính trị. Nghiên cứu áp dụng khung lý thuyết ngôn ngữ học tri nhận thức, phân tích ẩn dung đa tầng và phân tích ẩn dụ phê phán, đối với các ẩn dụ nhận diện được từ các bài báo đăng trên tờ The New York Times (2021-2023). Sau đó nghiên cứu khám phá cách những ẩn dụ này phản ánh các mối quan hệ xã hội, lịch sử và quyền lực.

7.2. Các kết quả nghiên cứu

7.2.1. Ẩn dụ phổ biến nhất

Phân tích xác định 438 ẩn dụ ý niệm riêng lẻ, được nhóm thành 24 ẩn dụ trung gian như TẤN CÔNG VỀ VẬT LÝ và CHIẾN THẮNG QUÂN SỰ, sau đó được cô đọng thành 8 nhóm lớn hơn, chẳng hạn như THAM GIA CHÍNH TRỊ LÀ MỘT CUỘC ĐỐI ĐẦU VẬT LÝ và THÀNH CÔNG CHÍNH TRỊ LÀ CHIẾN THẮNG QUÂN SỰ. Nghiên cứu này phân loại tất cả 438 ẩn dụ, tiết lộ cả những ẩn dụ mới lẫn những ẩn dụ đã được công nhận phổ biến.

***7.2.2. Cấu trúc ý niệm trong phân tích MLV***

Trong nghiên cứu này, bốn ẩn dụ chiếm đa số là các ẩn dụ tổng quát 1, 3, 5 và 8 - được chọn để phân tích sâu hơn bằng khung Phân tích ẩn dụ đa tầng (MLV). Bắt đầu từ các lược đồ hình ảnh, làm nền tảng cho ánh xạ những trải nghiệm vật lý cơ bản như lực và sự cân bằng vào hoạt động chính trị, sau đó phân tích tiến tới các miền, nơi cấu trúc hóa tri thức về động lực chính trị thông qua ma trận và hệ thống phân cấp. Trong khi đó, miền ý niệm và không gian tinh thần giúp làm rõ ràng hơn các ánh xạ cụ thể và các ánh xạ mới hình thành.

7.2.3. Vai trò của hệ tư tưởng và mối quan hệ quyền thế

An dụ “CHIẾN TRANH” thường được sử dụng để định khung các sự kiện và vấn đề chính trị vì nó mô tả một cách hiệu quả bản chất đối đầu, chiến lược và căng thẳng cao của chính trị. Ẩn dụ này nhấn mạnh các ý thức hệ như chính trị là một chiến trường, nơi mà việc kiểm soát truyền thông, các cuộc đấu tranh vì công bằng xã hội và các xung đột giữa các đảng và trong nội bộ đảng được miêu tả như những cuộc cạnh tranh khốc liệt.

7.3. Ý nghĩa

7.3.1. Ý nghĩa về lý thuyết

Nghiên cứu về ẩn dụ “CHÍNH TRỊ LÀ CHIẾN TRANH” trong diễn ngôn chính trị Mỹ mở rộng Lý thuyết Ẩn dụ Ý niệm (CMT) của Lakoff và Johnson. Thông qua Phân tích ẩn dụ đa tầng (MLV), nghiên cứu cho thấy cách các trải nghiệm thể chất được chuyển thành các biểu trưng tinh thần phức tạp, củng cố quan điểm rằng ẩn dụ ăn sâu vào tư duy. Ngoài ra, nghiên cứu nhấn mạnh vai trò của quan hệ quyền lực và ý thức hệ trong tư duy ẩn dụ, tiết lộ cách ẩn dụ hoạt động như công cụ để thực thi quyền lực.

7.3.2. Ý nghĩa về phương pháp

Nghiên cứu về “CHÍNH TRỊ LÀ CHIẾN TRANH” trong diễn ngôn chính trị Mỹ đưa ra nhiều ý nghĩa về phương pháp luận cho các nghiên cứu tương lai. Nghiên cứu nhấn mạnh tầm quan trọng của việc tích hợp ngôn ngữ học tri nhận và phân tích ẩn dụ đa tầng (MLV) để xem xét ẩn dụ qua các cấp độ nhận thức khác nhau, như lược đồ hình ảnh, miền, khung, và không gian tinh thần. Ngoài ra, sự kết hợp Phân tích Ẩn dụ Phê phán (CMA) còn mang lại nhiều lớp hiểu biết sâu sắc bằng cách kết nối ẩn dụ với bối cảnh lịch sử, quan hệ quyền lực và ý thức hệ.

***7.3.3. Ý nghĩa thực tiễn***

Nghiên cứu về ẩn dụ “CHÍNH TRỊ LÀ CHIẾN TRANH” cung cấp một phương pháp luận đột phá kết hợp Phân tích Ẩn dụ Phê phán và Phân tích Ẩn dụ Đa Tầng để nghiên cứu ẩn dụ trong ngôn ngữ chính trị, trở thành nguồn tài liệu quan trọng cho các nhà nghiên cứu và sinh viên trong lĩnh vực ngôn ngữ học tri nhận.

7.4. Hạn chế và đề xuất khắc phục

7.4.1. Hạn chế

Những hạn chế chính của nghiên cứu bao gồm:

- Nghiên cứu chỉ giới hạn trong các bài viết của tờ New York Times, có thể bỏ qua các góc nhìn đa dạng từ các phương tiện truyền thông khác.

- Nghiên cứu chủ yếu tập trung vào diễn ngôn chính trị Mỹ, bỏ qua những biến thể tiềm năng trong cách sử dụng ẩn dụ ở các nền văn hóa khác nhau.

- Mặc dù nghiên cứu liên kết các ẩn dụ chiến tranh với các ý thức hệ, nhưng vẫn chưa xem xét một cách toàn diện mối quan hệ phức tạp giữa các ý thức hệ khác nhau và sự ảnh hưởng của các xu hướng chính trị mới nổi.

7.4.2. Đề xuất

Để khắc phục những hạn chế của nghiên cứu hiện tại về ẩn dụ “CHÍNH TRỊ LÀ CHIẾN TRANH,” các nghiên cứu trong tương lai nên:

- Mở rộng phạm vi nghiên cứu và thời gian: Bao gồm nhiều phương tiện truyền thông và giai đoạn thời gian khác nhau để nắm bắt bức tranh toàn diện hơn về cách sử dụng ẩn dụ trong diễn ngôn chính trị.

- Nghiên cứu các miền ẩn dụ bổ sung: Phân tích các ẩn dụ ngoài “CHÍNH TRỊ LÀ CHIẾN TRANH,” như “CHÍNH TRỊ LÀ KINH DOANH” hoặc “CHÍNH TRỊ LÀ SÂN KHẤU,” để có cái nhìn toàn diện hơn về cách sử dụng ẩn dụ trong chính trị.

DANH MỤC NGHIÊN CỨU ĐÃ CÔNG BỐ

Nguyễn Mạnh Tuấn (2020). Áp dụng khung phân tích ẩn dụ đa tầng vào phân tích ẩn dụ ý niệm về Covid-19 *Hội thảo khoa học quốc tế năm 2020 và Diễn đàn lần thứ 10 về nghiên cứu giảng dạy tiếng Hán khu vực Đông Á dành cho học viên cao học và nghiên cứu sinh,* tr. 553-566. Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN: Nxb ĐHQGHN.

Nguyễn Mạnh Tuấn (2021). Áp dụng đường hướng phân tích Từ trên xuống và từ dưới lên để giải quyết vấn đề về phương pháp trong phân tích ẩn dụ ý niệm. *Hội thảo khoa học quốc tế năm 2021 dành cho học viên cao học và nghiên cứu sinh,* 842-852. Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN: Nxb ĐHQGHN.